



Mã nhận dạng 00614

Trang 1/2

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

Môn học - Nhóm: Thực tập gia công cắt - gọt (207126) - 03

CBGD: Nguyễn Văn Kiệp (335)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tổ điểm lẻ
1	17118004	Lương Tú Anh	DH17CC			✓	✓		✓	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	17154013	Phạm Thành Đạt	DH17OT			6,1	2,6		8,7	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	17154019	Nguyễn Hữu Đức	DH17OT			5,4	2,5		7,9	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	17154030	Lê Quang Hoan	DH17OT			6,1	2,6		8,7	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	17154040	Phạm Văn Khang	DH17OT			6,1	2,5		8,6	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	17153035	Dương Quốc Khánh	DH17CD			5,8	2,6		8,4	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	17153040	Đặng Ngọc Lâm	DH17CD			5,8	2,6		8,4	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	17154057	Trần Văn Hoài Nam	DH17OT			6,1	2,6		8,7	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	17153048	Lê Khánh Nguyên	DH17CD			5,8	2,6		8,4	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	17118068	Huỳnh Lê Nhân	DH17CC			5	2,5		7,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	17154069	Lê Văn Tấn Phát	DH17OT			6,1	2,6		8,7	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	17118079	Đặng Nguyên Hoài Phú	DH17CC			5	2,6		7,6	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	17118083	Trần Thanh Phúc	DH17CC			4,7	2,5		7,2	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	17138041	Trần Duy Phương	DH17TD			5	2,5		7,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	17118094	Bùi Phụ Tâm	DH17CK			6,1	2,5		8,6	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	17154086	Lê Minh Tấn	DH17OT			5,7	2,5		8,2	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	17118099	Đỗ Đại Thạch	DH17CC			6,1	2,5		8,6	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	17154916	Tất Vĩnh Thành	DH17OT			5,7	2,5		8,2	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

CBGD: Nguyễn Văn Kiệp (335)

Cán bộ chấm thi 2

Phan Nhót Hien

Ngày in : 25/10/2019 14:04



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

Môn học - Nhóm: Thực tập gia công cắt - gọt (207126) - 04

CBGD: Nguyễn Văn Kiệp (335)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phản nguyên	Tô điểm lẻ
1	17118001	Đoàn Nhật An	DH17CC			5,5	2,6		8,1	0012345678910	0123456789
2	17154003	Lê Đức Anh	DH17OT			6,2	2,5		8,7	0012345678910	0123456789
3	17118010	Trương Minh Bảo	DH17CK			5,5	2,6		8,1	0012345678910	0123456789
4	17118007	Bùi Đình Bằng	DH17CK			5,8	2,6		8,4	0012345678910	0123456789
5	17118011	Nguyễn Hữu Huy	DH17CC			4,8	2,6		7,4	0012345678910	0123456789
6	17153025	Trần Sơn Hải	DH17CD			5,2	2,5		7,7	0012345678910	0123456789
7	17153026	Nguyễn Trường Hận	DH17CD			6,1	2,6		8,7	0012345678910	0123456789
8	17118035	Nguyễn Minh Hiếu	DH17CC			5,5	2,5		8,0	0012345678910	0123456789
9	17154029	Phan Thanh Hiếu	DH17OT			6,2	2,6		8,8	0012345678910	0123456789
10	17118036	Nguyễn Văn Hiệu	DH17CK			5,5	2,6		8,1	0012345678910	0123456789
11	17154035	Nguyễn Thanh Hùng	DH17OT			5,8	2,6		8,4	0012345678910	0123456789
12	17153033	Trần Quang Huy	DH17CD			4,8	2,6		7,4	0012345678910	0123456789
13	17153034	Lê Văn Khanh	DH17CD			5,2	2,5		7,7	0012345678910	0123456789
14	17154051	Chiêm Phước Lộc	DH17OT			6,2	2,6		8,8	0012345678910	0123456789
15	17154053	Phan Tấn Lộc	DH17OT			6,1	2,6		8,7	0012345678910	0123456789
16	17118069	Lê Văn Nhân	DH17CC			5,8	2,6		8,4	0012345678910	0123456789
17	17118070	Trần Trọng Nhân	DH17CC			5,5	2,6		8,1	0012345678910	0123456789
18	17118075	Thạch Dương Phát	DH17CC			5,5	2,5		8,0	0012345678910	0123456789

Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

CBGD: Nguyễn Văn Kiệp (335)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
19	17118077	Bùi Thanh Phong	DH17CC			5,8	2,6		8,4	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	17153055	Trương Hoàng Phong	DH17CD			6,1	2,6		8,7	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	17154075	Cao Việt Quang	DH17OT			5,7	2,6		8,3	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	17118096	Bùi Nhật Tân	DH17CK			5,5	2,6		8,1	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	17153065	Phan Trọng Thái	DH17CD			6,1	2,6		8,7	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	17118112	Lý Thanh Thuận	DH17CK			4,8	2,6		7,4	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	17154104	Nguyễn Võ Minh Tiến	DH17OT			6,2	2,6		8,8	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	17118117	Hoàng Ngọc Tín	DH17CK			5,5	2,6		8,1	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	17118121	Lê Hoàng Triều	DH17CC			5,8	2,6		8,4	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	17154110	Lê Thị Thảo Trinh	DH17OT			6,2	2,8		9,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	17118127	Nguyễn Đan Trường	DH17CC			5,5	2,6		8,1	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	17153078	Lê Văn Tuấn	DH17CD			6,1	2,6		8,7	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Cán bộ chấm thi 2

Phan Minh Hùng



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

Môn học - Nhóm: Thực tập gia công cắt - gọt (207126) - 05

CBGD: Phan Minh Hiếu (837)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tổ điểm lẻ
1	17153003	Bùi Đình Bắc	DH17CD			5,8	2,7		8,5	0012345678910	0123456789
2	17154009	Nguyễn Thành Công	DH17OT			6,1	2,5		8,6	0012345678910	0123456789
3	17154022	Đinh Nguyễn Đình Duy	DH17OT			6,1	2,6		8,7	0012345678910	0123456789
4	17118025	Nguyễn Mậu Dương	DH17CC			5,5	0		5,5	0012345678910	0123456789
5	17154011	Đặng Thành Đạt	DH17OT			5,8	2,6		8,4	0012345678910	0123456789
6	17154012	Nguyễn Quân Đạt	DH17OT			5,8	2,6		8,4	0012345678910	0123456789
7	17154023	Nguyễn Hoàng Trường Giang	DH17OT			6,1	2,5		8,6	0012345678910	0123456789
8	17154025	Hồ Việt Hải	DH17OT			6,1	2,6		8,7	0012345678910	0123456789
9	17154036	Hà Quang Huy	DH17OT			6,1	2,6		8,7	0012345678910	0123456789
10	17154041	Nguyễn Duy Khánh	DH17OT			5,8	2,5		8,3	0012345678910	0123456789
11	17154045	Trần Đăng Khoa	DH17OT			5,5	2,6		8,1	0012345678910	0123456789
12	17154050	Nguyễn Thanh Linh	DH17OT			V	V		V	0012345678910	0123456789
13	17154056	Nguyễn Văn Mạnh	DH17OT			5,8	2,6		8,4	0012345678910	0123456789
14	17118065	Cao Quý Nguyên	DH17CK			5,8	2,8		8,6	0012345678910	0123456789
15	17154063	Lê Hoài Nhân	DH17OT			6,1	2,6		8,7	0012345678910	0123456789
16	17118080	Diệp Thanh Phúc	DH17CK			5,2	2,6		7,8	0012345678910	0123456789
17	17154073	Đặng Hữu Phước	DH17OT			5,8	2,6		8,4	0012345678910	0123456789
18	17154074	Đỗ Trung Quân	DH17OT			5,8	2,6		8,4	0012345678910	0123456789

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

Môn học - Nhóm: Thực tập gia công cắt - gọt (207126) - 05

CBGD: Phan Minh Hiếu (837)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
19	17118090	Trương Công Sinh	DH17CK			5,5	2,6		8,1	0012345678910	0123456789
20	17154080	Nguyễn Văn Sơn	DH17OT			5,8	2,8		8,6	0012345678910	0123456789
21	17154081	Phạm Trương Hồng Sơn	DH17OT			5,8	0		5,8	0012345678910	0123456789
22	17154082	Võ Hoàng Sơn	DH17OT			5,1	2,6		7,7	0012345678910	0123456789
23	17154083	Châu Phước Tài	DH17OT			5,8	2,8		8,6	0012345678910	0123456789
24	17154094	Huỳnh Phước Thanh	DH17OT			5,8	2,6		8,4	0012345678910	0123456789
25	17154091	Phạm Bá Thắng	DH17OT			5,8	2,6		8,4	0012345678910	0123456789
26	17118108	Nguyễn Chí Thịnh	DH17CK			5,5	2,6		8,1	0012345678910	0123456789
27	17153075	Lê Quốc Trạng	DH17CD			5,8	2,6		8,4	0012345678910	0123456789
28	17154116	Nguyễn Anh Tuấn	DH17OT			5,8	2,6		8,4	0012345678910	0123456789
29	17154122	Đặng Bá Vũ	DH17OT			5,8	2,8		8,6	0012345678910	0123456789
30	17153080	Hoàng Thanh Vương	DH17CD			5,5	2,6		8,1	0012345678910	0123456789

Số lượng vắng:

Hiện diện:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhân của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Th.S NGUYỄN VĂN CÔNG CHÍNH

Nguyễn Văn Kiệp

phần 1/2



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

Môn học - Nhóm: Thực tập gia công cắt - gọt (207126) - 06

CBGD: Nguyễn Văn Kiệp (335)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	17154002	Lê Bảo Anh	DH17OT			6,1	2,5		8,6	0012345678910	0123456789
2	17153005	Lê Hoàng Bảo	DH17CD			6,1	2,6		8,7	0012345678910	0123456789
3	17154005	Nguyễn Hoài Bảo	DH17OT			6,1	2,6		8,7	0012345678910	0123456789
4	17154006	Nguyễn Lê Quỳnh Châu	DH17OT			5,8	2,8		8,6	0012345678910	0123456789
5	17137013	Nguyễn Khánh Duy	DH17NL			5,7	2,6		8,3	0012345678910	0123456789
6	17154021	Trần Minh Đức	DH17OT			5,5	2,5		8,0	0012345678910	0123456789
7	17154026	Tiết Huỳnh Ngọc Hải	DH17OT			5,9	2,6		8,5	0012345678910	0123456789
8	17153030	Bùi Văn Hoàng	DH17CD			5,8	2,6		8,4	0012345678910	0123456789
9	17154038	Lê Tuấn Khang	DH17OT			5,9	2,6		8,5	0012345678910	0123456789
10	17154039	Phạm Hoàng Khang	DH17OT			6,1	2,6		8,7	0012345678910	0123456789
11	17154042	Nguyễn Quốc Khánh	DH17OT			6,1	2,6		8,7	0012345678910	0123456789
12	17154043	Nguyễn Văn Khánh	DH17OT			5,8	2,6		8,4	0012345678910	0123456789
13	17154044	Trần Anh Khoa	DH17OT			5,9	2,6		8,5	0012345678910	0123456789
14	17154060	Nguyễn Thị Thanh Nhã	DH17OT			6,1	2,6		8,7	0012345678910	0123456789
15	17154066	Đinh Xuân Nhật	DH17OT			5	2,6		7,6	0012345678910	0123456789
16	17153054	Dương Trung Ninh	DH17CD			5,8	2,5		8,3	0012345678910	0123456789
17	17154072	Trần Thanh Phúc	DH17OT			6,1	2,6		8,7	0012345678910	0123456789
18	17137056	Đàm Minh Quang	DH17NL			6,1	2,6		8,7	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 00617

Trang 2/2

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

Môn học - Nhóm: Thực tập gia công cắt - gọt (207126) - 06

CBGD: Nguyễn Văn Kiệp (335)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phân nguyên	Tô điểm lẻ
19	17154078	Lê Thanh Sơn	DH17OT			6,1		2,5	8,6	0012345678910	0123456789
20	17154079	Nguyễn Hồng Sơn	DH17OT			5,9		2,6	8,5	0012345678910	0123456789
21	17154090	Nguyễn Đình Thắng	DH17OT			6,1		2,6	8,7	0012345678910	0123456789
22	17118106	Đặng Đình Thiện	DH17CK			5,8		2,6	8,4	0012345678910	0123456789
23	17118107	Bá Duy Thịnh	DH17CK			5,5		2,5	8,0	0012345678910	0123456789
24	17153067	Trương Đức Thịnh	DH17CD			6,1		2,6	8,7	0012345678910	0123456789
25	17153068	Phan Anh Thơ	DH17CD			6,1		2,6	8,7	0012345678910	0123456789
26	17118125	Ngô Tùng Trung	DH17CK			6,1		2,8	8,9	0012345678910	0123456789
27	17154113	Võ Thương Trường	DH17OT			5,9		2,5	8,4	0012345678910	0123456789
28	17118133	Phùng Văn Quốc Tuấn	DH17CC			6,1		2,6	8,7	0012345678910	0123456789
29	17154120	Nguyễn Thành Vinh	DH17OT			6,1		2,6	8,7	0012345678910	0123456789
30	17154123	Lý Hoàng Vũ	DH17OT			5,7		2,5	8,2	0012345678910	0123456789

Số lượng vắng:

Hiện diện:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Th.S NGUYỄN VĂN CÔNG CHÍNH

Nguyễn Văn Kiệp

Phan Khắc Hiên



Mã nhận dạng 00618

Trang 1/2

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

Môn học - Nhóm: Thực tập gia công hàn - nguội (207127) - 03

CBGD: Trần Văn Đông (826)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phản nguyên	Tô điểm lẻ
1	17118005	Phan Văn Hùng Anh	DH17CK			5,3	2,5		7,8	0012345678910	0123456789
2	17118007	Bùi Đình Bằng	DH17CK			5,9	2,8		8,7	0012345678910	0123456789
3	17118027	Nguyễn Anh Duy	DH17CC			4,8	2,5		7,3	0012345678910	0123456789
4	17118029	Trần Minh Duy	DH17CC			4,2	2,2		6,4	0012345678910	0123456789
5	17118017	Nguyễn Hải Đăng	DH17CK			5	2,5		7,5	0012345678910	0123456789
6	17154024	Phạm Văn Giàu	DH17OT			5,3	2,5		7,8	0012345678910	0123456789
7	17118052	Bùi Thanh Lâm	DH17CK			5,6	2		7,6	0012345678910	0123456789
8	17118061	Đào Phương Nam	DH17CK			5	2,6		7,6	0012345678910	0123456789
9	17154067	Nguyễn Văn Nhật	DH17OT			5	2,5		7,5	0012345678910	0123456789
10	17118077	Bùi Thanh Phong	DH17CC			5,6	1,9		7,5	0012345678910	0123456789
11	17118080	Diệp Thanh Phúc	DH17CK			5,3	2,2		7,5	0012345678910	0123456789
12	17118085	Nguyễn Đình Phương	DH17CK			5,3	2,3		7,6	0012345678910	0123456789
13	17118090	Trương Công Sinh	DH17CK			5,6	2,3		7,9	0012345678910	0123456789
14	17118092	Lê Văn Sơn	DH17CK			5,6	1,9		7,5	0012345678910	0123456789
15	17154082	Võ Hoàng Sơn	DH17OT			5,6	2,2		7,8	0012345678910	0123456789
16	17118094	Bùi Phú Tâm	DH17CK			5,6	2		7,6	0012345678910	0123456789
17	17118104	Hồ Văn Kỳ Thiên	DH17CK			5,6	2,4		8,0	0012345678910	0123456789
18	17154096	Nguyễn Tấn Thọ	DH17OT			5,9	2,5		8,4	0012345678910	0123456789



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

Môn học - Nhóm: Thực tập gia công hàn - nguội (207127) - 03

CBGD: Trần Văn Đông (826)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phân nguyên	Tô điểm lẻ
19	17118115	Trần Nhật Tiên	DH17CK			5	2,5		7,5	0012345678910	0123456789
20	17118118	Kiều Trọng Tín	DH17CK			5,9	2,6		8,5	0012345678910	0123456789
21	17154107	Nguyễn Văn Toàn	DH17OT			5,3	2,8		8,1	0012345678910	0123456789
22	17118119	Trần Trọng Toàn	DH17CK			5,9	2,4		8,3	0012345678910	0123456789
23	17118120	Nguyễn Quang Trí	DH17CK			5,3	2,6		7,9	0012345678910	0123456789
24	17118125	Ngô Tùng Trung	DH17CK			5	2,3		7,3	0012345678910	0123456789
25	17118140	Nguyễn Xuân Vinh	DH17CK			5	2		7,0	0012345678910	0123456789

Số lượng vắng:

Hiện diện:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Th.S NGUYỄN VĂN CÔNG CHÍNH

N. V. Kiệp

Trần Văn Đông



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

Môn học - Nhóm: Thực tập gia công hàn - nguội (207127) - 04

CBGD: Trần Văn Đông (826)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phản nguyên	Tô điểm lẻ
1	17153004	Hồ Thái Bảo	DH17CD			5,3	2,5		7,8	0012345678910	0123456789
2	15118005	Trương Phi Bảo	DH17CK			5,6	2,4		8,0	0012345678910	0123456789
3	17118015	Đặng Ái Cường	DH17CK			0	2,8		2,8	0012345678910	0123456789
4	17118024	Lê Văn Dự	DH17CK			5	2,8		7,8	0012345678910	0123456789
5	17153026	Nguyễn Trường Hận	DH17CD			5,6	2,8		8,4	0012345678910	0123456789
6	17118034	Huỳnh Văn Hiếu	DH17CK			5,3	2,2		7,5	0012345678910	0123456789
7	17118047	Nguyễn Hữu Khang	DH17CK			5	2,5		7,5	0012345678910	0123456789
8	17154040	Phạm Văn Khang	DH17OT			5,6	2,3		7,9	0012345678910	0123456789
9	17118051	Nguyễn Trung Kiên	DH17CK			5,6	2,3		7,9	0012345678910	0123456789
10	17118063	Trần Phương Nam	DH17CK			5	2		7,0	0012345678910	0123456789
11	17118065	Cao Quý Nguyên	DH17CK			5,3	2,6		7,9	0012345678910	0123456789
12	17118066	Hoàng Trung Nguyên	DH17CK			5,6	2,3		7,9	0012345678910	0123456789
13	17153054	Dương Trung Ninh	DH17CD			5,6	2,8		8,4	0012345678910	0123456789
14	17154069	Lê Văn Tấn Phát	DH17OT			5,9	2,8		8,7	0012345678910	0123456789
15	17118076	Phan Lê Bảo Phi	DH17CK			5,3	1,9		7,2	0012345678910	0123456789
16	17118078	Nguyễn Lê Phong	DH17CK			5,3	2,5		7,8	0012345678910	0123456789
17	17153055	Trương Hoàng Phong	DH17CD			5	2		7,0	0012345678910	0123456789
18	17154079	Nguyễn Hồng Sơn	DH17OT			5,9	1,8		7,7	0012345678910	0123456789



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

Môn học - Nhóm: Thực tập gia công hàn - nguội (207127) - 04

CBGD: Trần Văn Đông (826)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
19	17118096	Bùi Nhật Tân	DH17CK			5	2,3		7,3	0012345678910	0123456789
20	17153065	Phan Trọng Thái	DH17CD			5,3	2,2		7,5	0012345678910	0123456789
21	17118101	Vũ Trung Thành	DH17CK			5,3	1,9		7,2	0012345678910	0123456789
22	17118103	Nguyễn Thừa Thi	DH17CK			5	2,3		7,3	0012345678910	0123456789
23	17118108	Nguyễn Chí Thịnh	DH17CK			5	2,9		7,9	0012345678910	0123456789
24	17153068	Phan Anh Thơ	DH17CD			5,6	2,3		7,9	0012345678910	0123456789
25	17118136	Đặng Thanh Việt	DH17CK			5	2,6		7,6	0012345678910	0123456789

Số lượng vắng:

Hiện diện:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Th.S NGUYỄN VĂN CÔNG CHÍNH

N.V. Kiệp

Trần Văn Đông

Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

CBGD: Trần Văn Đông (826)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	17118006	Nguyễn Thanh Bá	DH17CK			5	2,6		7,6	0012345678910	0123456789
2	17118010	Trương Minh Bào	DH17CK			5,3	2,4		7,7	0012345678910	0123456789
3	17153010	Vương Quốc Việt Chí	DH17CD			5,3	2,5		7,8	0012345678910	0123456789
4	17118028	Nguyễn Trần Minh Duy	DH17CK			V	V		V	0012345678910	0123456789
5	17154014	Trần Văn Đạt	DH17OT			5,3	2,2		7,5	0012345678910	0123456789
6	17118022	Nguyễn Văn Định	DH17CK			5	2,4		7,4	0012345678910	0123456789
7	15118020	Huỳnh Văn Đức	DH15CK			V	2,8		2,8	0012345678910	0123456789
8	17118026	Lê Đình Đường	DH17CK			5,9	2,6		8,5	0012345678910	0123456789
9	17118031	Trần Thanh Giang	DH17CK			5	2,6		7,6	0012345678910	0123456789
10	17153024	Đặng Minh Hải	DH17CD			5,3	2,6		7,9	0012345678910	0123456789
11	17154046	Trần Duy Khoa	DH17OT			5,3	2,5		7,8	0012345678910	0123456789
12	17137037	Nguyễn Tuấn Kiệt	DH17NL			5,6	2,4		8,0	0012345678910	0123456789
13	17154049	Phan Thanh Liêm	DH17OT			V	V		V	0012345678910	0123456789
14	17118058	Trần Ngọc Minh Mẫn	DH17CK			5	2,6		7,6	0012345678910	0123456789
15	17118059	Nguyễn Hoàng Yên Mì	DH17CK			5,3	2,5		7,8	0012345678910	0123456789
16	17118062	Phạm Văn Nam	DH17CK			5	2,3		7,3	0012345678910	0123456789
17	17118064	Phan Trọng Nghĩa	DH17CK			5	2,5		7,5	0012345678910	0123456789
18	17118072	Nguyễn Minh Nhựt	DH17CK			5,3	2,8		8,1	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 00620

Trang 2/2

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

Môn học - Nhóm: Thực tập gia công hàn - nguội (207127) - 05

CBGD: Trần Văn Đông (826)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
19	17137056	Đàm Minh Quang	DH17NL			5,3	2,8		8,1	0012345678910	0123456789
20	17118107	Bá Duy Thịnh	DH17CK			5	2,4		7,4	0012345678910	0123456789
21	17154098	Trần Đình Thông	DH17OT			5,6	2,4		8,0	0012345678910	0123456789
22	17154105	Nguyễn Trung Tín	DH17OT			5,6	2,5		8,1	0012345678910	0123456789
23	17118130	Huỳnh Anh Tú	DH17CK			5,3	2,6		7,9	0012345678910	0123456789
24	17153078	Lê Văn Tuấn	DH17CD			5,9	2,4		8,3	0012345678910	0123456789
25	17118137	Lê Đình Việt	DH17CK			5,9	2,5		8,4	0012345678910	0123456789

Số lượng vắng:

Hiện diện:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Th.S NGUYỄN VĂN CÔNG CHÍNH

N.V. Kiệp

Trần Văn Đông

Hoc kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

CBGD: Trần Văn Đông (826)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	17154002	Lê Bảo Anh	DH17OT			5,6	2,4		8,0	0012345678910	0123456789
2	17118025	Nguyễn Mậu Dương	DH17CC			5,3	2,2		7,5	0012345678910	0123456789
3	17154012	Nguyễn Quân Đạt	DH17OT			5	2,8		7,8	0012345678910	0123456789
4	17154019	Nguyễn Hữu Đức	DH17OT			5,3	1,4		7,2	0012345678910	0123456789
5	17154025	Hồ Việt Hải	DH17OT			5,3	2,6		7,9	0012345678910	0123456789
6	17154027	Lê Hồng Hiếu	DH17OT			5,6	2,5		8,1	0012345678910	0123456789
7	17154038	Lê Tuấn Khang	DH17OT			4,8	2,2		7,0	0012345678910	0123456789
8	17154039	Phạm Hoàng Khang	DH17OT			5	2,3		7,3	0012345678910	0123456789
9	17154043	Nguyễn Văn Khánh	DH17OT			5,3	2,4		7,7	0012345678910	0123456789
10	17154050	Nguyễn Thanh Linh	DH17OT			V	V		V	0012345678910	0123456789
11	17154051	Chiêm Phước Lộc	DH17OT			5	2,5		7,5	0012345678910	0123456789
12	17154053	Phan Tấn Lộc	DH17OT			5,3	2,8		8,1	0012345678910	0123456789
13	17154056	Nguyễn Văn Mạnh	DH17OT			5,9	2,6		8,5	0012345678910	0123456789
14	17154066	Đình Xuân Nhật	DH17OT			5,3	2,4		7,7	0012345678910	0123456789
15	17154073	Đặng Hữu Phước	DH17OT			5,6	2,5		8,1	0012345678910	0123456789
16	17118091	Hoàng Kim Sơn	DH17CK			5,6	2,6		8,2	0012345678910	0123456789
17	17154080	Nguyễn Văn Sơn	DH17OT			5	2,2		7,2	0012345678910	0123456789
18	17154083	Châu Phước Tài	DH17OT			5	2,5		7,5	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 00621

Trang 2/2

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

Môn học - Nhóm: Thực tập gia công hàn - nguội (207127) - 06

CBGD: Trần Văn Đông (826)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
19	17154916	Tất Vĩnh Thành	DH17OT			4,8	2,2		7,0	0012345678910	0123456789
20	17154090	Nguyễn Đình Thắng	DH17OT			5	2,2		7,2	0012345678910	0123456789
21	17153067	Trương Đức Thịnh	DH17CD			5,9	2,5		8,4	0012345678910	0123456789
22	17154097	Nguyễn Văn Thông	DH17OT			5,3	2,6		7,9	0012345678910	0123456789
23	17118112	Lý Thanh Thuận	DH17CK			5,6	1,9		7,5	0012345678910	0123456789
24	17154122	Đặng Bá Vũ	DH17OT			5,3	2,3		7,6	0012345678910	0123456789
25	17153080	Hoàng Thanh Vương	DH17CD			5,9	2,4		8,3	0012345678910	0123456789

Số lượng vắng:

Hiện diện:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Th.S NGUYỄN VĂN CÔNG CHÍNH

N. V. Kiệp

Trần Văn Đông

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

Môn học - Nhóm: Thực tập gia công hàn - nguội (207127) - 08

CBGD: Trần Văn Đông (826)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	17154003	Lê Đức Anh	DH17OT			5,6	2,3		7,9	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
2	17154004	Nguyễn Ngọc Đoan Anh	DH17OT			5,6	2,6		8,2	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
3	17154018	Trần Thế Dư	DH17OT			5,9	2,6		8,5	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
4	17154021	Trần Minh Đức	DH17OT			5,3	2,3		7,6	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
5	17154026	Tiết Huỳnh Ngọc Hải	DH17OT			5,6	2,9		8,5	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
6	17154034	Nguyễn Tấn Hùng	DH17OT			5,6	2,5		8,1	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
7	17153033	Trần Quang Huy	DH17CD			5,9	2,6		8,5	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
8	17118046	Trần Khải	DH17CK			4,8	2,3		7,1	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
9	17154044	Trần Anh Khoa	DH17OT			5,3	2,3		7,6	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
10	17154045	Trần Đăng Khoa	DH17OT			5,3	2,2		7,5	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
11	17153041	Lương Chí Lập	DH17CD			5	2,6		7,6	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
12	17154060	Nguyễn Thị Thanh Nhã	DH17OT			5,6	2,9		8,5	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
13	17154063	Lê Hoài Nhân	DH17OT			5,6	2,8		8,4	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
14	17154065	Nguyễn Thành Nhân	DH17OT			✓	2,8		2,8	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
15	17154078	Lê Thanh Sơn	DH17OT			4,2	2,3		6,5	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
16	17153066	Đào Minh Thành	DH17CD			5,8	2,9		8,7	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
17	17154100	Nguyễn Phước Thuận	DH17OT			5,3	2,3		7,6	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
18	17154104	Nguyễn Võ Minh Tiến	DH17OT			7	2,9		9,9	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

Môn học - Nhóm: Thực tập gia công hàn - nguội (207127) - 08

CBGD: Trần Văn Đông (826)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
19	17153076	Phạm Ngọc Triệu	DH17CD			4,2	2,6		6,8	0012345678910	0123456789
20	17154110	Lê Thị Thảo	DH17OT			5,9	2,9		8,8	0012345678910	0123456789
21	17153077	Phan Bảo Trọng	DH17CD			5,6	2,5		8,1	0012345678910	0123456789
22	17154116	Nguyễn Anh Tuấn	DH17OT			5,3	2,9		8,2	0012345678910	0123456789
23	17154117	Phan Anh Tuấn	DH17OT			5,3	2,6		7,9	0012345678910	0123456789
24	17154120	Nguyễn Thành Vinh	DH17OT			5,6	2,3		7,9	0012345678910	0123456789
25	17154123	Lý Hoàng Vũ	DH17OT			5,6	2,5		8,1	0012345678910	0123456789

Số lượng vắng:

Hiện diện:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Th.S NGUYỄN VĂN CÔNG CHÍNH

N.V. Kiệp

Trần Văn Đông

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

Môn học - Nhóm: Thực tập gia công hàn - nguội (207127) - 09

CBGD: Trần Văn Đông (826)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	17154006	Nguyễn Lê Quỳnh Châu	DH17OT			5,3	2,9		8,2	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
2	17154009	Nguyễn Thành Công	DH17OT			5	2,5		7,5	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
3	17154022	Đình Nguyễn Đình Duy	DH17OT			5	2,2		7,2	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
4	17153023	Nguyễn Hùng Duy	DH17CD			5,3	2,4		7,7	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
5	17154011	Đặng Thành Đạt	DH17OT			5,6	2,9		8,5	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
6	17154013	Phạm Thành Đạt	DH17OT			5	2,8		7,8	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
7	17154023	Nguyễn Hoàng Trường Giang	DH17OT			5,3	2,9		8,2	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
8	17154029	Phan Thanh Hiếu	DH17OT			5	2,3		7,3	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
9	17154035	Nguyễn Thanh Hùng	DH17OT			5,3	2,9		8,2	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
10	17154036	Hà Quang Huy	DH17OT			5,6	2,5		8,1	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
11	17154041	Nguyễn Duy Khánh	DH17OT			5	2,4		7,4	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
12	17154042	Nguyễn Quốc Khánh	DH17OT			5,3	1,8		7,1	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
13	17154057	Trần Văn Hoài Nam	DH17OT			6,2	2,6		8,8	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
14	17153047	Nguyễn Trung Nghĩa	DH17CD			5,6	2,4		8,0	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
15	17153049	Hoàng Đình Nhân	DH17CD			5,6	2,6		8,2	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
16	17154072	Trần Thanh Phúc	DH17OT			5,3	2,5		7,8	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
17	17154075	Cao Việt Quang	DH17OT			5,3	2,5		7,8	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
18	17113179	Trịnh Xuân Tâm	DH17OT			5,6	2,6		8,2	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

Môn học - Nhóm: Thực tập gia công hàn - nguội (207127) - 09

CBGD: Trần Văn Đông (826)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
19	17154086	Lê Minh Tấn	DH17OT			5,9	2,9		8,8	0012345678910	0123456789
20	17154088	Võ Văn Thạch	DH17OT			5,6	2,4		8,0	0012345678910	0123456789
21	17154094	Huỳnh Phước Thanh	DH17OT			5,6	2,5		8,1	0012345678910	0123456789
22	17154091	Phạm Bá Thắng	DH17OT			5,9	2,6		8,5	0012345678910	0123456789
23	17153073	Nguyễn Minh Toàn	DH17CD			5,3	2,9		8,2	0012345678910	0123456789
24	17154112	Trần Nguyễn Xuân Trường	DH17OT			5,3	2,8		8,1	0012345678910	0123456789
25	17154119	Nguyễn Minh Viễn	DH17OT			5	2,5		7,5	0012345678910	0123456789

Số lượng vắng:

Hiện diện:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Th.S NGUYỄN VĂN CÔNG CHÍNH

N.V. Kiệp
Trần Văn Đông

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

Môn học - Nhóm: Thực tập gia công hàn - nguội (207127) - 10

CBGD: Trần Văn Đông (826)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tổ điểm lẻ
1	17153005	Lê Hoàng Bảo	DH17CD			5,9	2,8		8,7	○○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①②③④⑤⑥●⑧⑨
2	17154016	Nguyễn Khoa	DH17OT			5	2,6		7,6	○○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①②③④⑤●⑦⑧⑨
3	17154017	Nguyễn Thành	DH17OT			5,9	2,2		8,1	○○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①●②③④⑤⑥⑦⑧⑨
4	17153025	Trần Sơn	DH17CD			6,2	2,4		8,6	○○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①②③④⑤●⑦⑧⑨
5	17154030	Lê Quang	DH17OT			5	2,6		7,6	○○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①②③④⑤●⑦⑧⑨
6	17153030	Bùi Văn	DH17CD			5,6	2,5		8,1	○○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①●②③④⑤⑥⑦⑧⑨
7	17154033	Ngô Minh	DH17OT			5	2,5		7,5	○○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
8	17153034	Lê Văn	DH17CD			5,6	2,3		7,9	○○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧●
9	17153038	Nguyễn Tiến	DH17CD			5,9	2,3		8,2	○○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①②●③④⑤⑥⑦⑧⑨
10	17154047	Phạm Tấn	DH17OT			5,6	2,2		7,8	○○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦●⑧⑨
11	17153040	Đặng Ngọc	DH17CD			5,6	2,6		8,2	○○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①②●③④⑤⑥⑦⑧⑨
12	17153048	Lê Khánh	DH17CD			5,6	2,6		8,2	○○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①②●③④⑤⑥⑦⑧⑨
13	17154058	Phạm Sĩ	DH17OT			5	2,6		7,6	○○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①②③④⑤●⑦⑧⑨
14	17154061	Phan Thị Hoài	DH17OT			5,6	2,8		8,4	○○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①②③●④⑤⑥⑦⑧⑨
15	17154064	Nguyễn Thành	DH17OT			5,3	2,2		7,5	○○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①②③④●⑤⑥⑦⑧⑨
16	17154070	Nguyễn Thanh	DH17OT			5,9	2,8		8,7	○○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①②③④⑤⑥●⑦⑧⑨
17	17153059	Nguyễn Thanh	DH17CD			5,6	2,4		8,0	○○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
18	17154092	Dương Hữu	DH17OT			5	2,4		7,4	○○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨



Mã nhận dạng 00624

Trang 2/2

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

Môn học - Nhóm: Thực tập gia công hàn - nguội (207127) - 10

CBGD: Trần Văn Đông (826)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
19	17118106	Đặng Đình Thiện	DH17CK			5,9	2,4		8,3	0012345678910	0123456789
20	17153074	Phan Nguyễn Trung Toàn	DH17CD			5	2,3		7,3	0012345678910	0123456789
21	17154108	Trần Văn Trà	DH17OT			5,3	2,9		8,2	0012345678910	0123456789
22	17154113	Võ Thương Trường	DH17OT			5,6	2,8		8,4	0012345678910	0123456789
23	17153079	Võ Quốc Việt	DH17CD			6,2	2,6		8,8	0012345678910	0123456789
24	17118142	Võ Tấn Vũ	DH17CK			5,9	2,5		8,4	0012345678910	0123456789
25	17153081	Dương Bảo Ý	DH17CD			5,3	2,8		8,1	0012345678910	0123456789

Số lượng vắng:

Hiện diện:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Th.S NGUYỄN VĂN CÔNG CHÍNH

N.V. Kiep

Trần Văn Đông



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

Môn học - Nhóm: Thực tập gia công 1: Hàn - nguội (207143) - 04

CBGD: Trần Văn Đông (826)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	18154006	Phạm Tuấn Anh	DH18OT			5,3	2,2		7,5	0012345678910	0123456789
2	18153004	Nguyễn Ngọc Bảo	DH18CD			5	2,5		7,5	0012345678910	0123456789
3	18153005	Phan Chí Bảo	DH18CD			5,3	2,9		8,2	0012345678910	0123456789
4	18154015	Nguyễn Chí Cường	DH18OT			5,6	2,6		8,2	0012345678910	0123456789
5	18153012	Trần Tấn Đạt	DH18CD			5,3	2,3		7,6	0012345678910	0123456789
6	18154024	Nguyễn Phi Đình	DH18OT			5,6	2,4		8,0	0012345678910	0123456789
7	18153018	Lê Thanh Hải	DH18CD			5,3	2,5		7,8	0012345678910	0123456789
8	18153021	Nguyễn Trung Hiếu	DH18CD			5,3	2,6		7,9	0012345678910	0123456789
9	18154039	Vũ Xuân Hòa	DH18OT			5	2,5		7,5	0012345678910	0123456789
10	18153029	Trương Vĩnh Huy	DH18CD			5,6	2,5		8,1	0012345678910	0123456789
11	18154056	Cao Trung Kiên	DH18OT			5,3	2,3		7,6	0012345678910	0123456789
12	18153042	Lưu Hoàng Long	DH18CD			5	2,9		7,9	0012345678910	0123456789
13	18153047	Huỳnh Minh Mẫn	DH18CD			5	2,5		7,5	0012345678910	0123456789
14	18153050	Nguyễn Minh Nhựt	DH18CD			5,3	2,5		7,8	0012345678910	0123456789
15	18153051	Trần Minh Nhựt	DH18CD			5	2,5		7,5	0012345678910	0123456789
16	18154096	Quách THạnh Phú	DH18OT			5	2,4		7,4	0012345678910	0123456789
17	18153054	Nguyễn Tấn Phúc	DH18CD			4,8	2,6		7,4	0012345678910	0123456789
18	18153056	Nguyễn Đăng Quang	DH18CD			4,8	2,6		7,4	0012345678910	0123456789

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

Môn học - Nhóm: Thực tập gia công 1: Hàn - nguội (207143) - 04

CBGD: Trần Văn Đông (826)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
19	18153057	Trần Minh Quang	DH18CD			3,1	2,5		5,6	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
20	18153064	Đoàn Văn Tân	DH18CD			V	2,5		2,5	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
21	18153065	Lương Viết Tây	DH18CD			5,3	2,9		8,2	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
22	18153077	Nguyễn Minh Trí	DH18CD			5,3	2,9		8,2	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
23	18153078	Tô Trung Trực	DH18CD			4,8	2,5		7,3	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
24	18153082	Hà Minh Tùng	DH18CD			5,9	2,9		8,8	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
25	18153083	Phạm Khải Tường	DH18CD			5,6	2,6		8,2	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨

Số lượng vắng:

Hiện diện:

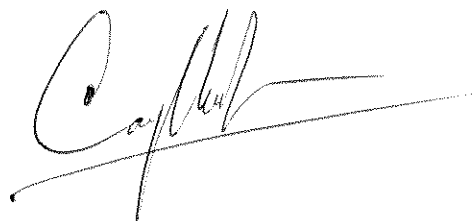
Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

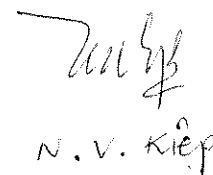
Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

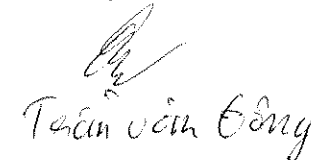
Cán bộ chấm thi 2



Th.S NGUYỄN VĂN CÔNG CHÍNH



N.V. Kiệp



Trần Văn Đông



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

Môn học - Nhóm: Thực tập gia công 1: Hàn - nguội (207143) - 05

CBGD: Trần Văn Đông (826)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	18153001	Bùi Vũ Khánh An	DH18CD			5	2,8		7,8	0012345678910	0123456789
2	18153003	Đinh Quốc Bảo	DH18CD			4,8	2,5		7,3	0012345678910	0123456789
3	18153006	Trần Hữu Chí	DH18CD			5	2,4		7,4	0012345678910	0123456789
4	18153007	Trần Minh Chiến	DH18CD			5,3	2,3		7,6	0012345678910	0123456789
5	18137006	Bùi Văn Cương	DH18NL			5	2,5		7,5	0012345678910	0123456789
6	18153009	Ngô Mạnh Cường	DH18CD			5	2,5		7,5	0012345678910	0123456789
7	18153015	Đỗ Trùng Dương	DH18CD			5,6	2,4		8,0	0012345678910	0123456789
8	18153016	Nguyễn Thái Dương	DH18CD			5,6	2,6		8,2	0012345678910	0123456789
9	18154022	Lưu Quốc Đạt	DH18OT			4,8	2,5		7,3	0012345678910	0123456789
10	18153014	Bùi Hữu Đức	DH18CD			5	2,5		7,5	0012345678910	0123456789
11	18153017	Nguyễn Bảo Giang	DH18CD			5	2,5		7,5	0012345678910	0123456789
12	18154032	Nguyễn Ngọc Giang	DH18OT			5,3	2,8		8,1	0012345678910	0123456789
13	18137017	Huỳnh Thanh Hiếu	DH18NL			5	2,4		7,4	0012345678910	0123456789
14	18154040	Nguyễn Việt Hoàng	DH18OT			5,9	2		7,9	0012345678910	0123456789
15	18153027	Trần Ngọc Hưng	DH18CD			5,3	2,6		7,9	0012345678910	0123456789
16	18153033	Nguyễn Việt Vĩnh Khang	DH18CD			4,8	2,6		7,4	0012345678910	0123456789
17	18153037	Nguyễn Minh Khôi	DH18CD			V	V		V	0012345678910	0123456789
18	18153039	Trần Cao Linh	DH18CD			5,3	2,8		8,1	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 00626

Trang 2/2

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

Môn học - Nhóm: Thực tập gia công 1: Hàn - nguội (207143) - 05

CBGD: Trần Văn Đông (826)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
19	18153041	Lâm Hoàng Long	DH18CD			4,5	2,4		6,9	0012345678910	0123456789
20	18153048	Nguyễn Đại Nghĩa	DH18CD			5	2,6		7,6	0012345678910	0123456789
21	18154101	Nguyễn Duy Phương	DH18OT			5,9	2,5		8,4	0012345678910	0123456789
22	18153058	Trần Minh Quang	DH18CD			5	2,6		7,6	0012345678910	0123456789
23	18153060	Phạm Thanh Quê	DH18CD			5,6	2,2		7,8	0012345678910	0123456789
24	18153061	Mai Diệp Quốc	DH18CD			5	2,4		7,4	0012345678910	0123456789
25	18153063	Tôn Thế Trung Sơn	DH18CD			4,8	0		4,8	0012345678910	0123456789

Số lượng vắng:

Hiện diện:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Th.S NGUYỄN VĂN CÔNG CHÍNH

N. V. Kiệp

Trần Văn Đông



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

Môn học - Nhóm: Thực tập gia công 1: Hàn - nguội (207143) - 09

CBGD: Nguyễn Thị Phương Thảo (707)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phản nguyên	Tô điểm lẻ
1	18154004	Lương Tiến Anh	DH18OT			5,3	2,4		7,7	0012345678910	0123456789
2	18154011	Lý Thị Bé	DH18OT			5,6	2,8		8,4	0012345678910	0123456789
3	18154018	Huỳnh Công Danh	DH18OT			5,6	2,4		8,0	0012345678910	0123456789
4	18154021	Lâm Gia Đạt	DH18OT			5	2,5		7,5	0012345678910	0123456789
5	18154025	Nguyễn Trung Đình	DH18OT			5,6	2,4		8,0	0012345678910	0123456789
6	18154036	Lê Võ Quang Hiếu	DH18OT			5,3	2,8		8,1	0012345678910	0123456789
7	18154037	Nguyễn Văn Hóa	DH18OT			5,6	2,3		7,9	0012345678910	0123456789
8	18154041	Nguyễn Minh Hưng	DH18OT			5,6	2,8		8,4	0012345678910	0123456789
9	18154052	Trần Chí Khang	DH18OT			5	2,2		7,2	0012345678910	0123456789
10	18153038	Lê Trọng Lâm	DH18CD			5,3	2,6		7,9	0012345678910	0123456789
11	18154077	Nguyễn Thanh Nghiêm	DH18OT			5,6	2,4		8,0	0012345678910	0123456789
12	18154083	Phạm Minh Nhã	DH18OT			5,6	2,4		8,0	0012345678910	0123456789
13	18154086	Võ Đình Nhân	DH18OT			5,6	2,4		8,0	0012345678910	0123456789
14	18154089	Đoàn Minh Nhớ	DH18OT			6,2	2,3		8,5	0012345678910	0123456789
15	18154090	Trần Nguyễn Minh Nhựt	DH18OT			5,3	2,8		8,1	0012345678910	0123456789
16	18154097	Hồ Hoàng Phúc	DH18OT			5,9	2,9		8,8	0012345678910	0123456789
17	18154104	Lê Duy Quốc	DH18OT			4,8	2,8		7,6	0012345678910	0123456789
18	18154108	Trương Thành Tấn	DH18OT			5,6	2,6		8,2	0012345678910	0123456789



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

Môn học - Nhóm: Thực tập gia công 1: Hàn - nguội (207143) - 09

CBGD: Nguyễn Thị Phương Thảo (707)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
19	18154116	Đặng Kim Thảo	DH18OT			5,3	2,9		8,2	0012345678910	0123456789
20	18154119	Đoàn Văn Thìn	DH18OT			5	2,8		7,8	0012345678910	0123456789
21	18154120	Trần Quốc Thịnh	DH18OT			4,5	2,6		7,1	0012345678910	0123456789
22	18154122	Hồ Văn Thuận	DH18OT			5,6	2,9		8,5	0012345678910	0123456789
23	18154124	Nguyễn Hữu Tín	DH18OT			5,3	2,5		7,8	0012345678910	0123456789
24	18154132	Nguyễn Thanh Tùng	DH18OT			5	2,8		7,8	0012345678910	0123456789
25	18153086	Nguyễn Việt Ý	DH18CD			5,3	2		7,3	0012345678910	0123456789

Số lượng vắng:

Hiện diện:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Th.S NGUYỄN VĂN CÔNG CHÍNH

N.V. Kiệp

Trần Văn Đông



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

Môn học - Nhóm: Thực tập gia công 1: Hàn - nguội (207143) - 10

CBGD: Nguyễn Thị Phương Thảo (707)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phản nguyên	Tô điểm lẻ
1	18154001	Quách Trường An	DH18OT			5,3	2,3		7,6	0012345678910	0123456789
2	18153011	Võ Thành Danh	DH18CD			5	2,6		7,6	0012345678910	0123456789
3	18154027	Đình Quốc Dũng	DH18OT			5,3	2,2		7,5	0012345678910	0123456789
4	18154028	Phạm Tiến Dũng	DH18OT			5,6	2		7,6	0012345678910	0123456789
5	18154016	Dương Đình Đại	DH18OT			5,3	2,4		7,7	0012345678910	0123456789
6	18154020	Nguyễn Quang Đạo	DH18OT			5,3	2,5		7,8	0012345678910	0123456789
7	18154033	Lương Văn Giàu	DH18OT			5,9	2,5		8,4	0012345678910	0123456789
8	18154048	Phạm Trần Gia Huy	DH18OT			V	2		2,0	0012345678910	0123456789
9	18154050	Võ Nguyễn Gia Huy	DH18OT			5	1,6		6,6	0012345678910	0123456789
10	18154051	Đình Nhĩ Khang	DH18OT			4,8	2,6		7,4	0012345678910	0123456789
11	18154060	Nguyễn Văn Chí Lâm	DH18OT			5,6	2,8		8,4	0012345678910	0123456789
12	18154061	Chu Phú Lâm	DH18OT			5,3	2,8		8,1	0012345678910	0123456789
13	18154063	Nguyễn Xuân Linh	DH18OT			5,3	2,8		8,1	0012345678910	0123456789
14	18154068	Phạm Kim Long	DH18OT			5	2,3		7,3	0012345678910	0123456789
15	18154075	Huỳnh Trọng Nghĩa	DH18OT			5,3	2,3		7,6	0012345678910	0123456789
16	18154076	Văn Hữu Nghĩa	DH18OT			5,6	2,2		7,8	0012345678910	0123456789
17	18154078	Đặng Văn Ngoan	DH18OT			5,3	2,6		7,9	0012345678910	0123456789
18	18154081	Võ Nhật Nguyên	DH18OT			5,6	2,5		8,1	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 00628

Trang 2/2

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

Môn học - Nhóm: Thực tập gia công 1: Hàn - nguội (207143) - 10

CBGD: Nguyễn Thị Phương Thảo (707)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phản nguyên	Tô điểm lẻ
19	18154093	Nguyễn Hữu Phát	DH18OT			5,3	2,6		7,9	0012345678910	0123456789
20	18154095	Nguyễn Văn Phong	DH18OT			6,2	2,6		8,8	0012345678910	0123456789
21	18154102	Lý Trung Quân	DH18OT			5,6	2,5		8,1	0012345678910	0123456789
22	18154105	Đình Hoàng Sơn	DH18OT			4,8	2,2		7,0	0012345678910	0123456789
23	18154109	Nguyễn Hoàng Nhật Tào	DH18OT			5	2,2		7,2	0012345678910	0123456789
24	17154095	Huỳnh Minh Thịnh	DH18OT			5	2,5		7,5	0012345678910	0123456789
25	18154121	Giang Đại Thuận	DH18OT			5,3	2,2		7,5	0012345678910	0123456789

Số lượng vắng:

Hiện diện:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Th.S NGUYỄN VĂN CÔNG CHÍNH

N.V. KIỆP

TRẦN VĂN ĐÔNG



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

Môn học - Nhóm: Thực tập gia công 1: Hàn - nguội (207143) - 11

CBGD: Nguyễn Thị Phương Thảo (707)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	18154005	Nguyễn Duy Anh	DH18OT			5,3	2,8		8,1	0012345678910	0123456789
2	18154009	Phan Hải Âu	DH18OT			5,3	2,4		7,7	0012345678910	0123456789
3	18154019	Huỳnh Công Danh	DH18OT			5	2,8		7,8	0012345678910	0123456789
4	18154046	Nguyễn Hoàng Huy	DH18OT			5	2,9		7,9	0012345678910	0123456789
5	18154042	Nguyễn Hữu Trọn	DH18OT			5,3	2,3		7,6	0012345678910	0123456789
6	18154053	Trần Công Khánh	DH18OT			5	2,8		7,8	0012345678910	0123456789
7	18154058	Đỗ Tuấn Kiệt	DH18OT			5	2,8		7,8	0012345678910	0123456789
8	18154059	Nguyễn Phan Hoài Lâm	DH18OT			5	2,6		7,6	0012345678910	0123456789
9	18154064	Nguyễn Văn Lợi	DH18OT			4,8	2,3		7,1	0012345678910	0123456789
10	18137028	Cao Tấn Nam	DH18NL			5,3	2,8		8,1	0012345678910	0123456789
11	18154071	Nguyễn Thế Nam	DH18OT			5	1,9		6,9	0012345678910	0123456789
12	18154072	Phan Thành Nam	DH18OT			5,6	2,8		8,4	0012345678910	0123456789
13	18154088	Nguyễn Đình Nhật	DH18OT			5,9	2,9		8,8	0012345678910	0123456789
14	18137034	Dương Văn Phong	DH18NL			5	2,8		7,8	0012345678910	0123456789
15	18137035	Võ Hồng Phú	DH18NL			5,3	2,5		7,8	0012345678910	0123456789
16	18154099	Trần Hoàng Phúc	DH18OT			5,6	2,6		8,2	0012345678910	0123456789
17	18154100	Mai Trần Phương	DH18OT			5,3	2,4		7,7	0012345678910	0123456789
18	18154110	Huỳnh Phước Thái	DH18OT			5	2,3		7,3	0012345678910	0123456789

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

Môn học - Nhóm: Thực tập gia công 1: Hàn - nguội (207143) - 11

CBGD: Nguyễn Thị Phương Thảo (707)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
19	18154111	Phạm Ngọc Thái	DH18OT			5,6	2,5		8,1	0012345678910	0123456789
20	18154112	Trần Lê Phương	DH18OT			5,3	2,3		7,6	0012345678910	0123456789
21	18154113	Lê Đức Thắng	DH18OT			5,6	2,5		8,1	0012345678910	0123456789
22	18154114	Nguyễn Quốc Thắng	DH18OT			5,3	2,5		7,8	0012345678910	0123456789
23	18154126	Võ Minh Trí	DH18OT			5,3	2,6		7,9	0012345678910	0123456789
24	18154129	Trần Mạnh Trường	DH18OT			5	2,5		7,5	0012345678910	0123456789
25	18154135	Võ Văn Vũ	DH18OT			5	2,6		7,6	0012345678910	0123456789

Số lượng vắng:

Hiện diện:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhân của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

TH.S NGUYỄN VĂN CÔNG CHÍNH

N. V. KIE

Trần Văn Thông



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

Môn học - Nhóm: Thực tập gia công 1: Hàn - nguội (207143) - 12

CBGD: Nguyễn Thị Phương Thảo (707)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phản nguyên	Tô điểm lẻ
1	18154008	Trịnh Hoàng Anh	DH18OT			5,6	2,8		8,4	0012345678910	0123456789
2	18153002	Trương Quốc Anh	DH18CD			5,6	2,6		8,2	0012345678910	0123456789
3	18154003	Trương Long Ân	DH18OT			5	2,4		7,4	0012345678910	0123456789
4	18153013	Nguyễn Văn Dư	DH18CD			5,3	2,2		7,5	0012345678910	0123456789
5	18137012	Nguyễn Ngọc Đông	DH18NL			5	2,2		7,2	0012345678910	0123456789
6	18154035	Dương Trọng Hiếu	DH18OT			4,8	2,5		7,3	0012345678910	0123456789
7	18154038	Lê Thanh Hòa	DH18OT			5,6	2,6		8,2	0012345678910	0123456789
8	18137018	Nguyễn Duy Hoài	DH18NL			5,6	2,5		8,1	0012345678910	0123456789
9	18154047	Nguyễn Hữu Minh Huy	DH18OT			4,8	2		6,8	0012345678910	0123456789
10	18154054	Thạch Đăng Khoa	DH18OT			4,8	2,3		7,1	0012345678910	0123456789
11	18154066	Lưu Kim Long	DH18OT			4,2	2,4		6,6	0012345678910	0123456789
12	18154070	Nguyễn Hoàng Nam	DH18OT			5	2,3		7,3	0012345678910	0123456789
13	18154073	Tạ Hoàng Nam	DH18OT			5	2,4		7,4	0012345678910	0123456789
14	18137031	Nguyễn Thành Phát	DH18NL			5,3	2,4		7,7	0012345678910	0123456789
15	18137032	Nguyễn Thành Phát	DH18NL			5,3	2,6		7,9	0012345678910	0123456789
16	18137037	Phan Hữu Quý	DH18NL			5,6	2,4		8,0	0012345678910	0123456789
17	18153067	Trần Hải Thành	DH18CD			5,3	2,3		7,6	0012345678910	0123456789
18	18153066	Nguyễn Minh Đức Thắng	DH18CD			5,3	2,4		7,7	0012345678910	0123456789



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

Môn học - Nhóm: Thực tập gia công 1: Hàn - nguội (207143) - 12

CBGD: Nguyễn Thị Phương Thảo (707)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
19	18153069	Bùi Xuân Thiện	DH18CD			5,6	2,6		8,2	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
20	18154123	Trương Văn Thúc	DH18OT			6,2	1,9		8,1	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
21	18137044	Cao Khánh Trúc	DH18NL			5,6	2,9		8,5	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
22	18154131	Nguyễn Tài Tuệ	DH18OT			5	1,8		6,8	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
23	18118182	Ngô Văn Viết	DH18CK			5,9	2,6		8,5	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
24	18118188	Phan Lý Kim Vũ	DH18CK			5,3	2,6		7,9	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
25	18137050	Nguyễn Thị Yến	DH18NL			5,9	2,9		8,8	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨

Số lượng vắng:

Hiện diện:

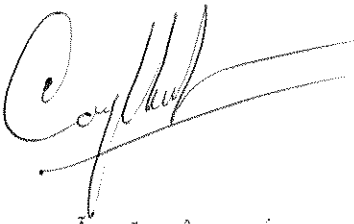
Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2


Th.S NGUYỄN VĂN CÔNG CHÍNH


N.V. KIỆP


TRẦN VĂN TỔNG



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

Môn học - Nhóm: Thực tập gia công 2: Cắt - gọt (207144) - 04

CBGD: Nguyễn Văn Kiệp (335)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phản nguyên	Tô điểm lẻ
1	18153004	Nguyễn Ngọc Bảo	DH18CD			1	6,4		7,4	0012345678910	0123456789
2	18153005	Phan Chí Bảo	DH18CD			1,5	6,4		7,9	0012345678910	0123456789
3	18153012	Trần Tấn Đạt	DH18CD			1,5	6,4		7,9	0012345678910	0123456789
4	18153017	Nguyễn Bảo Giang	DH18CD			1,5	7,6		9,1	0012345678910	0123456789
5	18153018	Lê Thanh Hải	DH18CD			1,5	6,4		7,9	0012345678910	0123456789
6	18153021	Nguyễn Trung Hiếu	DH18CD			1,5	7,6		9,1	0012345678910	0123456789
7	18153022	Nguyễn Văn Minh Hiếu	DH18CD			V	V		V	0012345678910	0123456789
8	18153033	Nguyễn Việt Vinh Khang	DH18CD			1,5	7,6		9,1	0012345678910	0123456789
9	18138051	Đặng Hoàng Long	DH18TD			1	4,8		5,8	0012345678910	0123456789
10	18153042	Lưu Hoàng Long	DH18CD			1,5	4,8		6,3	0012345678910	0123456789
11	18153045	Võ Hoàng Luân	DH18CD			1,5	7,6		9,1	0012345678910	0123456789
12	18153050	Nguyễn Minh Nhựt	DH18CD			1,5	4,8		6,3	0012345678910	0123456789
13	18153054	Nguyễn Tấn Phúc	DH18CD			1,5	7,2		8,7	0012345678910	0123456789
14	18153056	Nguyễn Đăng Quang	DH18CD			1,5	7,2		8,7	0012345678910	0123456789
15	18153058	Trần Minh Quang	DH18CD			1,5	4,8		6,3	0012345678910	0123456789
16	18153065	Lương Viết Tây	DH18CD			0	7,6		7,6	0012345678910	0123456789
17	18153067	Trần Hải Thành	DH18CD			1,5	7,2		8,7	0012345678910	0123456789
18	18153066	Nguyễn Minh Đức Thắng	DH18CD			1,5	7,2		8,7	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 00631

Trang 2/2

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

Môn học - Nhóm: Thực tập gia công 2: Cắt - gọt (207144) - 04

CBGD: Nguyễn Văn Kiệp (335)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
19	18153069	Bùi Xuân Thiện	DH18CD			1,5	7,2		8,7	0012345678910	0123456789
20	18153077	Nguyễn Minh Trí	DH18CD			1,5	5,2		6,7	0012345678910	0123456789
21	18153078	Tô Trung Trục	DH18CD			1,5	5,2		6,7	0012345678910	0123456789
22	18153080	Dương Nguyễn Khang Trường	DH18CD			V	V		V	0012345678910	0123456789
23	18153082	Hà Minh Tùng	DH18CD			1,5	5,2		6,7	0012345678910	0123456789
24	18153083	Phạm Khải Tường	DH18CD			1,5	5,2		6,7	0012345678910	0123456789

Số lượng vắng:

Hiện diện:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Th.S NGUYỄN VĂN CÔNG CHÍNH

Nguyễn Văn Kiệp

Phan Khôi Hết

Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

CBGD: Nguyễn Văn Kiệp (335)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	18153001	Bùi Vũ Khánh An	DH18CD			1	6,8		7,8	0012345678910	0123456789
2	18153003	Đinh Quốc Bảo	DH18CD			1,5	5,2		6,7	0012345678910	0123456789
3	18138005	Lê Kim Bảo	DH18TD			1	5,6		6,6	0012345678910	0123456789
4	18153006	Trần Hữu Chí	DH18CD			1,5	6,4		7,9	0012345678910	0123456789
5	18153007	Trần Minh Chiến	DH18CD			1,5	6,4		7,9	0012345678910	0123456789
6	18153009	Ngô Mạnh Cường	DH18CD			0,5	6,4		6,9	0012345678910	0123456789
7	18154015	Nguyễn Chí Cường	DH18OT			1,5	7,2		8,7	0012345678910	0123456789
8	18153015	Đỗ Trung Dương	DH18CD			1	5,2		6,2	0012345678910	0123456789
9	18153016	Nguyễn Thái Dương	DH18CD			1	5,2		6,2	0012345678910	0123456789
10	18154022	Lưu Quốc Đạt	DH18OT			1	7,2		8,2	0012345678910	0123456789
11	18153014	Bùi Hữu Đức	DH18CD			1	6,8		7,8	0012345678910	0123456789
12	18154032	Nguyễn Ngọc Giang	DH18OT			1,5	7,2		8,7	0012345678910	0123456789
13	18153025	Phạm Ngọc Hòa	DH18CD			V	V		V	0012345678910	0123456789
14	18154040	Nguyễn Việt Hoàng	DH18OT			1,5	7,2		8,7	0012345678910	0123456789
15	18153027	Trần Ngọc Hưng	DH18CD			1,5	6,4		7,9	0012345678910	0123456789
16	18153036	Trần Việt Khoa	DH18CD			1	6,4		7,4	0012345678910	0123456789
17	18153037	Nguyễn Minh Khôi	DH18CD			0,5	5,2		5,7	0012345678910	0123456789
18	18153039	Trần Cao Linh	DH18CD			1,5	5,2		6,7	0012345678910	0123456789

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

Môn học - Nhóm: Thực tập gia công 2: Cắt - gọt (207144) - 05

CBGD: Nguyễn Văn Kiệp (335)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	<u>Đ1</u> %	<u>Đ2</u> %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
19	18153041	Lâm Hoàng Long	DH18CD			1,5	5,6		7,1	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
20	18153048	Nguyễn Đại Nghĩa	DH18CD			1	6,8		7,8	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
21	18154095	Nguyễn Văn Phong	DH18OT			1,5	7,2		8,7	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
22	18153053	Nguyễn Công Xuân	DH18CD			1,5	6,8		8,3	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
23	18153060	Phạm Thanh Quê	DH18CD			1,5	6,8		8,3	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
24	18138075	Nguyễn Thanh Sơn	DH18TD			1	5,6		6,6	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
25	18153073	Nguyễn Tất Thuận	DH18CD			1,5	5,6		7,1	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨

Số lượng vắng:

Hiện diện:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhân của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

TH.S NGUYỄN VĂN CÔNG CHÍNH

Nguyễn Văn Kiệp

pham Minh Huu



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

Môn học - Nhóm: Thực tập gia công 2: Cắt - gọt (207144) - 06

CBGD: Nguyễn Văn Kiệp (335)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phản nguyên	Tô điểm lẻ
1	18153002	Trương Quốc Anh	DH18CD			1,5	7,2		8,7	0012345678910	0123456789
2	18137012	Nguyễn Ngọc Đông	DH18NL			1,5	6,4		7,9	0012345678910	0123456789
3	18138027	Vũ Minh Hòa	DH18TD			0,5	6,8		7,3	0012345678910	0123456789
4	18137018	Nguyễn Duy Hoài	DH18NL			2	6,4		8,4	0012345678910	0123456789
5	18153029	Trương Vĩnh Huy	DH18CD			1,5	6,8		8,3	0012345678910	0123456789
6	18138033	Nguyễn Thế Hưng	DH18TD			1,5	6,9		8,3	0012345678910	0123456789
7	18153030	Huỳnh Minh Kha	DH18CD			1,5	6,8		8,3	0012345678910	0123456789
8	18154054	Thạch Đăng Khoa	DH18OT			2	6,4		8,4	0012345678910	0123456789
9	18153038	Lê Trọng Lâm	DH18CD			1,5	7,2		8,7	0012345678910	0123456789
10	18138050	Hứa Phước Lợi	DH18TD			0	6,3		6,3	0012345678910	0123456789
11	18153047	Huỳnh Minh Mẫn	DH18CD			1,5	7,2		8,7	0012345678910	0123456789
12	18138060	Lương Thanh Nhân	DH18TD			0,5	6,8		7,3	0012345678910	0123456789
13	18137030	Trần Duy Nhật	DH18NL			1	6,4		7,4	0012345678910	0123456789
14	18153051	Trần Minh Nhựt	DH18CD			1,5	7,2		8,7	0012345678910	0123456789
15	18137031	Nguyễn Thành Phát	DH18NL			1,5	6,4		7,9	0012345678910	0123456789
16	18137032	Nguyễn Thành Phát	DH18NL			1,5	6,4		7,9	0012345678910	0123456789
17	18153057	Trần Minh Quang	DH18CD			0,5	6,4		6,9	0012345678910	0123456789
18	18153061	Mai Diệp Quốc	DH18CD			1	6,8		7,8	0012345678910	0123456789



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

Môn học - Nhóm: Thực tập gia công 2: Cắt - gọt (207144) - 06

CBGD: Nguyễn Văn Kiệp (335)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
19	18153063	Tôn Thế Trung Sơn	DH18CD			0	5,9		5,9	0012345678910	0123456789
20	18153064	Đoàn Văn Tân	DH18CD			1,5	6,8		8,3	0012345678910	0123456789
21	18138084	Nguyễn Hữu Thọ	DH18TD			1,5	6,8		8,3	0012345678910	0123456789
22	18138088	Thái Minh Thuận	DH18TD			1,5	6,8		8,3	0012345678910	0123456789
23	18137044	Cao Khánh Trúc	DH18NL			1,5	6,4		7,9	0012345678910	0123456789
24	18153086	Nguyễn Việt Ý	DH18CD			0,5	7,2		7,7	0012345678910	0123456789
25	18137050	Nguyễn Thị Yến	DH18NL			2	6,4		8,4	0012345678910	0123456789

Số lượng vắng:

Hiện diện:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Th.S NGUYỄN VĂN CÔNG CHÍNH

Nguyễn Văn Kiệp



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

Môn học - Nhóm: Thực tập gia công 2: Cắt - gọt (207144) - 08

CBGD: Nguyễn Văn Kiệp (335)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phản nguyên	Tô điểm lẻ
1	18154006	Phạm Tuấn Anh	DH18OT			1,5	6,4		7,9	0012345678910	0123456789
2	18138040	Nguyễn Ngọc Khải	DH18TD			1	6,8		7,8	0012345678910	0123456789
3	18137004	Đoàn Nguyễn Ngọc Bình	DH18NL			1,5	6,8		8,3	0012345678910	0123456789
4	18137007	Đào Chí Cường	DH18NL			1,5	6		7,5	0012345678910	0123456789
5	18137011	Nguyễn Thanh Đạt	DH18NL			1,5	6,8		8,3	0012345678910	0123456789
6	18153010	Đặng Hải Đăng	DH18CD			1,5	6,8		8,3	0012345678910	0123456789
7	18153024	Nguyễn Phúc Hòa	DH18CD			1,5	6,8		8,3	0012345678910	0123456789
8	18137019	Trịnh Thế Hoan	DH18NL			1,5	6		7,5	0012345678910	0123456789
9	18153026	Đoàn Ngọc Hoàng	DH18CD			1,5	6,8		8,3	0012345678910	0123456789
10	18153035	Vũ Chúc Khiêm	DH18CD			1,5	6,8		8,3	0012345678910	0123456789
11	18154058	Đỗ Tuấn Kiệt	DH18OT			1,5	6,4		7,9	0012345678910	0123456789
12	18137028	Cao Tấn Nam	DH18NL			1,5	6,8		8,3	0012345678910	0123456789
13	18154070	Nguyễn Hoàng Nam	DH18OT			1,5	6,4		7,9	0012345678910	0123456789
14	18154072	Phan Thành Nam	DH18OT			1,5	6,4		7,9	0012345678910	0123456789
15	18137034	Dương Văn Phong	DH18NL			1,5	6,8		8,3	0012345678910	0123456789
16	18137035	Võ Hồng Phú	DH18NL			1,5	6		7,5	0012345678910	0123456789
17	18138064	Mai Bùi Hồng Phúc	DH18TD			1,5	6,4		7,9	0012345678910	0123456789
18	18137037	Phan Hữu Quý	DH18NL			1,5	6		7,5	0012345678910	0123456789



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

Môn học - Nhóm: Thực tập gia công 2: Cắt - gọt (207144) - 08

CBGD: Nguyễn Văn Kiệp (335)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
19	18153062	Nguyễn Ngọc Quynh	DH18CD			1,5	6,8		8,3	0012345678910	0123456789
20	18138079	Đỗ Đoàn Duy Tân	DH18TD			1,5	6,8		8,3	0012345678910	0123456789
21	18138081	Nguyễn Trọng Thiên	DH18TD			1,5	6,8		8,3	0012345678910	0123456789
22	18137040	Cao Hoàng Thiện	DH18NL			1,5	6,8		8,3	0012345678910	0123456789
23	18138083	Nguyễn Đức Thịnh	DH18TD			4	6,8		7,8	0012345678910	0123456789
24	18138099	Nguyễn Anh Tuấn	DH18TD			4	6,8		7,8	0012345678910	0123456789
25	18137049	Lê Kim Vinh	DH18NL			1	6		7,0	0012345678910	0123456789

Số lượng vắng:

Hiện diện:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Th.S NGUYỄN VĂN CÔNG CHÍNH

Nguyễn Văn Kiệp

Phan Minh Trí

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

Môn học - Nhóm: Thực tập gia công 2: Cắt - gọt (207144) - 09

CBGD: Nguyễn Văn Kiệp (335)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phản nguyên	Tô điểm lẻ
1	18154009	Phan Hải Âu	DH18OT			1,5	6,4		7,9	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	18154019	Huỳnh Công Danh	DH18OT			1,5	6,4		7,9	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	18154027	Đinh Quốc Dũng	DH18OT			1,0	7,2		8,2	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	18154028	Phạm Tiến Dũng	DH18OT			1	7,2		8,2	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	18154020	Nguyễn Quang Đạo	DH18OT			1	7,2		8,2	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	17154015	Hồ Thanh Điền	DH17OT			1	6,4		7,9	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	18154039	Vũ Xuân Hòa	DH18OT			1,5	7,2		8,7	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	18154041	Nguyễn Minh Hưng	DH18OT			V	V		V	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	18154042	Nguyễn Hữu Trọn	DH18OT			1	6,4		7,4	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	18154051	Đinh Nhĩ Khang	DH18OT			1,5	6,8		8,3	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	18154061	Chu Phú Lân	DH18OT			1,5	6,8		8,3	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	18154068	Phạm Kim Long	DH18OT			1	6,8		7,8	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	18154071	Nguyễn Thế Nam	DH18OT			1,5	6,4		7,9	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	18154078	Đặng Văn Ngoan	DH18OT			1	6,8		7,8	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	18154081	Võ Nhật Nguyên	DH18OT			1,5	6,4		7,9	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	18154096	Quách THạnh Phú	DH18OT			1,5	6,4		7,9	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	18154099	Trần Hoàng Phúc	DH18OT			1,5	6,4		7,9	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	18154100	Mai Trần Phương	DH18OT			1,5	7,2		8,7	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

Môn học - Nhóm: Thực tập gia công 2: Cắt - gọt (207144) - 09

CBGD: Nguyễn Văn Kiệp (335)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
19	18154102	Lý Trung Quân	DH18OT			1,5	6,4		7,9	0012345678910	0123456789
20	18154105	Đình Hoàng Sơn	DH18OT			1,5	6,4		7,9	0012345678910	0123456789
21	18154109	Nguyễn Hoàng Nhật Tào	DH18OT			1,5	6,4		7,9	0012345678910	0123456789
22	18154111	Phạm Ngọc Thái	DH18OT			1,5	6,8		8,3	0012345678910	0123456789
23	18154114	Nguyễn Quốc Thắng	DH18OT			1,5	6,4		7,9	0012345678910	0123456789
24	18154119	Đoàn Văn Thìn	DH18OT			1,5	6,4		7,9	0012345678910	0123456789
25	17154095	Huỳnh Minh Thịnh	DH18OT			1	6,4		7,4	0012345678910	0123456789

Số lượng vắng:

Hiện diện:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Th.S NGUYỄN VĂN CÔNG CHÍNH

Nguyễn Văn Kiệp

Phan Thị Hiền

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

Môn học - Nhóm: Thực tập gia công 2: Cắt - gọt (207144) - 10

CBGD: Nguyễn Văn Kiệp (335)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phản nguyên	Tô điểm lẻ
1	18154004	Lương Tiến Anh	DH18OT			2	7,6		9,6	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
2	18154011	Lý Thị Bé	DH18OT			1,5	7,6		9,1	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
3	18154025	Nguyễn Trung Đình	DH18OT			2	7,6		9,6	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
4	18154036	Lê Võ Quang Hiếu	DH18OT			2	7,6		9,6	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
5	18154037	Nguyễn Văn Hóa	DH18OT			2	6,8		8,8	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
6	18154046	Nguyễn Hoàng Huy	DH18OT			1,5	6,8		8,3	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
7	18154052	Trần Chí Khang	DH18OT			1,5	6,8		8,3	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
8	18154053	Trần Công Khánh	DH18OT			2	6,8		8,8	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
9	18154059	Nguyễn Phan Hoài Lâm	DH18OT			1,5	7,6		9,1	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
10	18154077	Nguyễn Thanh Nghiê	DH18OT			2	7,6		9,6	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
11	18154083	Phạm Minh Nhã	DH18OT			2	7,6		9,6	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
12	18154088	Nguyễn Đình Nhật	DH18OT			1,5	7,6		9,1	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
13	18154090	Trần Nguyễn Minh Nhựt	DH18OT			1,5	6,8		8,3	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
14	18154093	Nguyễn Hữu Phát	DH18OT			1,5	7,6		9,1	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
15	18154104	Lê Duy Quốc	DH18OT			1,5	7,6		9,1	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
16	18154108	Trương Thành Tấn	DH18OT			1,5	6,8		8,3	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
17	18154110	Huỳnh Phước Thái	DH18OT			2	6,8		8,8	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
18	18154112	Trần Lê Phương Thái	DH18OT			2	6,8		8,8	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨

Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

CBGD: Nguyễn Văn Kiệp (335)

Cán bộ chấm thi 2

Nguyễn Văn Kiệp

Handl. H.

Th.S NGUYỄN VĂN CÔNG CHÍNH



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

Môn học - Nhóm: Thực tập gia công 2: Cắt - gọt (207144) - 11

CBGD: Nguyễn Văn Kiệp (335)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phản nguyên	Tô điểm lẻ
1	17154004	Nguyễn Ngọc Đoan Anh	DH17OT			1,5	6,4		7,9	0012345678910	0123456789
2	18154007	Trần Quyền Anh	DH18OT			1,5	6,4		7,9	0012345678910	0123456789
3	18154013	Phạm Minh Chí	DH18OT			1,5	7,2		8,7	0012345678910	0123456789
4	18154018	Huỳnh Công Danh	DH18OT			1,5	7,2		8,7	0012345678910	0123456789
5	18153013	Nguyễn Văn Dư	DH18CD			1,5	7,2		8,7	0012345678910	0123456789
6	18154021	Lâm Gia Đạt	DH18OT			1	6,4		7,4	0012345678910	0123456789
7	17154014	Trần Văn Đạt	DH17OT			1	6,4		7,4	0012345678910	0123456789
8	18154033	Lương Văn Giàu	DH18OT			1,5	6,4		7,9	0012345678910	0123456789
9	18154038	Lê Thanh Hòa	DH18OT			1,5	7,2		8,7	0012345678910	0123456789
10	18138032	Chung Hiệp Hưng	DH18TD			1	6,4		7,4	0012345678910	0123456789
11	18138047	Lương Hoàng Lâm	DH18TD			1	6,4		7,4	0012345678910	0123456789
12	18154060	Nguyễn Văn Chí Lâm	DH18OT			1,5	7,6		9,1	0012345678910	0123456789
13	18154063	Nguyễn Xuân Linh	DH18OT			1,5	7,6		9,1	0012345678910	0123456789
14	18154064	Nguyễn Văn Lợi	DH18OT			1,5	7,2		8,7	0012345678910	0123456789
15	18154076	Văn Hữu Nghĩa	DH18OT			1,5	7,2		8,7	0012345678910	0123456789
16	18154086	Võ Đình Nhân	DH18OT			1,5	7,2		8,7	0012345678910	0123456789
17	18154089	Đoàn Minh Nhó	DH18OT			1,5	7,2		8,7	0012345678910	0123456789
18	18154092	Chau Sô Phát	DH18OT			1,5	6,4		7,9	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 00637

Trang 2/2

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

Môn học - Nhóm: Thực tập gia công 2: Cắt - gọt (207144) - 11

CBGD: Nguyễn Văn Kiệp (335)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
19	18154097	Hồ Hoàng Phúc	DH18OT			1,5	7,2		8,7	0012345678910	0123456789
20	18154101	Nguyễn Duy Phương	DH18OT			1,5	6,4		7,9	0012345678910	0123456789
21	18154116	Đặng Kim Thảo	DH18OT			1,5	7,6		9,1	0012345678910	0123456789
22	18154115	Trần Hữu Thắng	DH18OT			1,5	7,6		9,1	0012345678910	0123456789
23	18154125	Nguyễn Văn Toàn	DH18OT			1,5	6,4		7,9	0012345678910	0123456789
24	18154131	Nguyễn Tài Tuệ	DH18OT			1,5	7,6		9,1	0012345678910	0123456789

Số lượng vắng:

Hiện diện:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Th.S NGUYỄN VĂN CÔNG CHÍNH

Nguyễn Văn Kiệp

Phan Việt Hải

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

Môn học - Nhóm: Thực tập gia công 2: Cắt - gọt (207144) - 12

CBGD: Nguyễn Văn Kiệp (335)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	18154001	Quách Trường An	DH18OT			1	7,2		8,2	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	18154005	Nguyễn Duy Anh	DH18OT			1,5	6,4		7,9	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	18154008	Trịnh Hoàng Anh	DH18OT			1	6,8		7,8	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	18154003	Trương Long Ân	DH18OT			1,5	7,2		8,7	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	18154031	Nguyễn Minh Dương	DH18OT			1	6,4		7,4	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	18154016	Dương Đình Đại	DH18OT			1,5	7,2		8,7	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	18138013	Trần Quang Đạt	DH18TD			1,5	5,6		7,1	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	18154024	Nguyễn Phi Đình	DH18OT			1,5	6,8		8,3	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	18154035	Dương Trọng Hiếu	DH18OT			1,5	6,4		7,9	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	18154047	Nguyễn Hữu Minh Huy	DH18OT			1	6,4		7,4	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	18154048	Phạm Trần Gia Huy	DH18OT			1	5,2		6,2	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	18154050	Võ Nguyễn Gia Huy	DH18OT			1	5,2		6,2	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	18154056	Cao Trung Kiên	DH18OT			1,5	6,8		8,3	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	18154057	Đặng Nguyễn Minh Kiên	DH18OT			✓	✓		✓	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	18154066	Lưu Kim Long	DH18OT			1,5	6,8		8,3	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	18138056	Trần Trung Mỹ	DH18TD			1	5,6		6,6	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	18154073	Tạ Hoàng Nam	DH18OT			1,5	6,4		7,9	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	18154075	Huỳnh Trọng Nghĩa	DH18OT			1,5	6,8		8,3	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

Môn học - Nhóm: Thực tập gia công 2: Cắt - gọt (207144) - 12

CBGD: Nguyễn Văn Kiệp (335)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
19	18138057	Trịnh Hữu Nghĩa	DH18TD			1	5,6		6,6	0012345678910	0123456789
20	18138077	Trịnh Tấn Tài	DH18TD			1,5	7,2		8,7	0012345678910	0123456789
21	18154120	Trần Quốc Thịnh	DH18OT			1	5,2		6,2	0012345678910	0123456789
22	18154121	Giang Đại Thuận	DH18OT			1,5	5,2		6,7	0012345678910	0123456789
23	18154123	Trương Văn Thúc	DH18OT			1,5	5,2		6,7	0012345678910	0123456789
24	18138095	Đào Đức Trung	DH18TD			1,5	5,6		7,1	0012345678910	0123456789
25	18138097	Phan Bá Trường	DH18TD			1,5	5,6		7,1	0012345678910	0123456789

Số lượng vắng:

Hiện diện:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Th.S NGUYỄN VĂN CÔNG CHÍNH

Nguyễn Văn Kiệp

Phan Minh Khá

Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

CBGD: Phan Minh Hiếu (837)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần, nguyên	Tổ điểm lẻ
1	18154001	Quách Trường An	DH18OT						9,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 ● 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	18154004	Lương Tiến Anh	DH18OT						8,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10	○ 1 2 3 4 ● 6 7 8 9
3	18154025	Nguyễn Trung Đình	DH18OT						9,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 ● 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	18154033	Lương Văn Giàu	DH18OT						8,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	18154050	Võ Nguyễn Gia Huy	DH18OT						8,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	18154041	Nguyễn Minh Hưng	DH18OT						9,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 ● 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	18154042	Nguyễn Hữu Trọn	DH18OT						9,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 ● 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	18154054	Thạch Đăng Khoa	DH18OT						9,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 ● 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	18154058	Đỗ Tuấn Kiệt	DH18OT						8,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10	○ 1 2 3 4 ● 6 7 8 9
10	18154061	Chu Phú Lâm	DH18OT						9,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 ● 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	18154064	Nguyễn Văn Lợi	DH18OT						8,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10	○ 1 2 3 4 ● 6 7 8 9
12	18154070	Nguyễn Hoàng Nam	DH18OT						8,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10	○ 1 2 3 4 ● 6 7 8 9
13	18154071	Nguyễn Thế Nam	DH18OT						8,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	18154072	Phan Thành Nam	DH18OT						7,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	18154075	Huỳnh Trọng Nghĩa	DH18OT						8,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	18154083	Phạm Minh Nhã	DH18OT						8,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10	○ 1 2 3 4 ● 6 7 8 9
17	18154093	Nguyễn Hữu Phát	DH18OT						8,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	18154095	Nguyễn Văn Phong	DH18OT						8,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10	○ 1 2 3 4 ● 6 7 8 9



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

Môn học - Nhóm: Thực tập gia công 3: Cắt gọt CNC (207145) - 03

CBGD: Phan Minh Hiếu (837)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phản nguyên	Tô điểm lẻ
19	18154099	Trần Hoàng Phúc	DH18OT						9,0	0012345678910	0123456789
20	18154100	Mai Trần Phương	DH18OT						8,0	0012345678910	0123456789
21	18154108	Trương Thành Tấn	DH18OT						9,0	0012345678910	0123456789
22	18154111	Phạm Ngọc Thái	DH18OT						9,0	0012345678910	0123456789
23	18154114	Nguyễn Quốc Thắng	DH18OT						8,0	0012345678910	0123456789
24	18154121	Giang Đại Thuận	DH18OT						9,0	0012345678910	0123456789
25	18154124	Nguyễn Hữu Tín	DH18OT						8,0	0012345678910	0123456789

Số lượng vắng:

Hiện diện:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Th.S NGUYỄN VĂN CÔNG CHÍNH

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

Môn học - Nhóm: Thực tập gia công 3: Cắt gọt CNC (207145) - 05

CBGD: Phan Minh Hiếu (837)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	18154008	Trịnh Hoàng Anh	DH18OT						8,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	18154003	Trương Long Ân	DH18OT						8,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	18154009	Phan Hải Âu	DH18OT						9,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 ● 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	18154011	Lý Thị Bé	DH18OT						9,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 ● 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	18154015	Nguyễn Chí Cường	DH18OT						8,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10	○ 1 2 3 4 ● 6 7 8 9
6	18154019	Huỳnh Công Danh	DH18OT						9,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 ● 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	18154027	Đinh Quốc Dũng	DH18OT						9,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 ● 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	18154028	Phạm Tiến Dũng	DH18OT						9,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 ● 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	18154016	Dương Đình Đại	DH18OT						9,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 ● 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	18154020	Nguyễn Quang Đạo	DH18OT						9,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 ● 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	18154022	Lưu Quốc Đạt	DH18OT						8,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	18154035	Dương Trọng Hiếu	DH18OT						8,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10	○ 1 2 3 4 ● 6 7 8 9
13	18154038	Lê Thanh Hòa	DH18OT						8,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	18154037	Nguyễn Văn Hóa	DH18OT						9,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 ● 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	18154048	Phạm Trần Gia Huy	DH18OT						8,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10	○ 1 2 3 4 ● 6 7 8 9
16	18154060	Nguyễn Văn Chí Lâm	DH18OT						8,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	18154066	Lưu Kim Long	DH18OT						8,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10	○ 1 2 3 4 ● 6 7 8 9
18	18154077	Nguyễn Thanh Nghiêm	DH18OT						9,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 ● 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9



Mã nhận dạng 00640

Trang 2/2

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

Môn học - Nhóm: Thực tập gia công 3: Cắt gọt CNC (207145) - 05

CBGD: Phan Minh Hiếu (837)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
19	18154089	Đoàn Minh Nhựt	DH18OT						8,5	0012345678910	0123456789
20	18154090	Trần Nguyễn Minh Nhựt	DH18OT						8,5	0012345678910	0123456789
21	18154097	Hồ Hoàng Phúc	DH18OT						8,5	0012345678910	0123456789
22	18154101	Nguyễn Duy Phương	DH18OT						8,0	0012345678910	0123456789
23	18154116	Đặng Kim Thảo	DH18OT						9,0	0012345678910	0123456789
24	18154120	Trần Quốc Thịnh	DH18OT						8,0	0012345678910	0123456789
25	18154123	Trương Văn Thục	DH18OT						8,5	0012345678910	0123456789

Số lượng vắng:

Hiện diện:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Th.S NGUYỄN VĂN CÔNG CHÍNH

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

Môn học - Nhóm: Thực tập gia công 3: Cắt gọt CNC (207145) - 06

CBGD: Phan Minh Hiếu (837)

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	18154005	Nguyễn Duy	Anh	DH18OT						8,0	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨ ⑩	● ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
2	18154018	Huỳnh Công	Danh	DH18OT						8,0	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨ ⑩	● ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
3	18154032	Nguyễn Ngọc	Giang	DH18OT						8,0	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨ ⑩	● ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
4	18154036	Lê Võ Quang	Hiếu	DH18OT						8,5	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
5	18154040	Nguyễn Việt	Hoàng	DH18OT						8,0	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨ ⑩	● ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
6	18154046	Nguyễn Hoàng	Huy	DH18OT						8,5	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
7	18154052	Trần Chí	Khang	DH18OT						8,5	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
8	18154053	Trần Công	Khánh	DH18OT						8,5	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
9	18154059	Nguyễn Phan Hoài	Lâm	DH18OT						9,0	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ● ⑩	● ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
10	18154068	Phạm Kim	Long	DH18OT						8,0	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨ ⑩	● ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
11	18154081	Võ Nhật	Nguyên	DH18OT						9,0	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ● ⑩	● ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
12	18154086	Võ Đình	Nhân	DH18OT						8,5	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
13	18154088	Nguyễn Đình	Nhật	DH18OT						9,0	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ● ⑩	● ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
14	18154102	Lý Trung	Quân	DH18OT						9,0	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ● ⑩	● ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
15	18154105	Đình Hoàng	Son	DH18OT						8,5	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
16	18154109	Nguyễn Hoàng Nhật	Tào	DH18OT						8,5	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
17	18154110	Huỳnh Phước	Thái	DH18OT						8,0	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨ ⑩	● ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
18	18154112	Trần Lê Phương	Thái	DH18OT						8,0	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨ ⑩	● ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨

Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

CBGD: Phan Minh Hiếu (837)

Cán bộ chấm thi 2

Phyllis
Phyllis Hild

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi **Vận hành BD& S.chữa máy CBNSTP(20201**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH16CC_01**

Tổ Thi **001_DH16CC_01**

Tên CBGD **Bùi Ngọc Hùng**

Ngày Thi **25/12/2019**

Giờ Thi **14:45**

Phòng Thi **HD205**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	16118011	Tôn Thế	Anh	DH16CC					7,3	0012345678910	0123456789
2	16118019	Nguyễn Tuấn	Châu	DH16CC					8,0	0012345678910	0123456789
3	16118027	Trần Mậu	Dần	DH16CC					8,5	0012345678910	0123456789
4	16118041	Trần Đức	Duy	DH16CC					8,6	0012345678910	0123456789
5	16118036	Trần Nguyễn Hải	Dương	DH16CC					8,3	0012345678910	0123456789
6	16118046	Nguyễn Ngọc	Hải	DH16CC					8,4	0012345678910	0123456789
7	16118051	Đỗ Đức	Hậu	DH16CC					8,3	0012345678910	0123456789
8	16118056	Lê Long	Hồ	DH16CC					7,8	0012345678910	0123456789
9	16118067	Trần Quang	Huy	DH16CC					7,8	0012345678910	0123456789
10	16118061	Huỳnh Tấn	Hữu	DH16CC					8,2	0012345678910	0123456789
11	16118071	Cao Hoàng	Khang	DH16CC					8,0	0012345678910	0123456789
12	16118074	Đỗ Minh	Khôi	DH16CC					7,9	0012345678910	0123456789
13	16118082	Nguyễn Xuân	Lâm	DH16CC					8,8	0012345678910	0123456789
14	16118080	Bùi	Lâm	DH16CC					8,3	0012345678910	0123456789
15	16118086	Nguyễn Đại	Lộ	DH16CC					8,4	0012345678910	0123456789
16	16118088	Nguyễn Hoàn Phước	Lộc	DH16CC					8,5	0012345678910	0123456789

Mã nhận dạng 02133

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi Vận hành BD& S.chữa máy CBNSTP(20

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH16CC_01

Tổ Thi 001_DH16CC_01

Tên CBGD

Bùi Ngọc Hùng

Ngày Thi 25/12/2019

Giờ Thi 14:45

Phòng Thi

HD205

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	16118103	Nguyễn Trọng	Nghĩa	DH16CC	<i>[Signature]</i>				8,3	0012345678910	0123456789
18	16118107	Huỳnh Hữu	Nhân	DH16CC	<i>[Signature]</i>				8,5	0012345678910	0123456789
19	16118108	Ngô Quang Đình	Nhân	DH16CC	<i>[Signature]</i>				8,4	0012345678910	0123456789
20	16118116	Nguyễn Thanh	Phong	DH16CC	<i>[Signature]</i>				8,5	0012345678910	0123456789
21	16118119	Đình Đình Hoài	Phúc	DH16CC	<i>[Signature]</i>				8,8	0012345678910	0123456789
22	17118084	Đỗ Hữu	Phước	DH17CC	<i>[Signature]</i>				8,4	0012345678910	0123456789
23	16118123	Nguyễn Tông	Quân	DH16CC	<i>[Signature]</i>				8,3	0012345678910	0123456789
24	16118128	Lê Đức	Quy	DH16CC	<i>[Signature]</i>				8,8	0012345678910	0123456789
25	16118134	Nguyễn Duy	Son	DH16CC	<i>[Signature]</i>				7,3	0012345678910	0123456789
26	16118135	Nguyễn Văn	Son	DH16CC	<i>[Signature]</i>				7,8	0012345678910	0123456789
27	16118137	Dương Văn	Tài	DH16CC	<i>[Signature]</i>				8,8	0012345678910	0123456789
28	16118143	Hà Văn	Thắng	DH16CC	<i>[Signature]</i>				8,3	0012345678910	0123456789
29	16118152	Đặng Thị Hòa	Thuận	DH16CC	<i>[Signature]</i>				8,8	0012345678910	0123456789
30	16118159	Lê Văn	Tinh	DH16CC	<i>[Signature]</i>				8,4	0012345678910	0123456789
31	16118164	Đào Thanh	Tú	DH16CC	<i>[Signature]</i>				8,3	0012345678910	0123456789
32	16118189	Nguyễn Anh	Tuấn	DH16CC	<i>[Signature]</i>				8,3	0012345678910	0123456789

Mã nhận dạng 02133

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ
Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi Vận hành BD& S.chữa máy CBNSTP(20) Số Tín Ch 3
Nhóm Thi DH16CC_01 Tổ Thi 001_DH16CC_01 Tên CBGD Bùi Ngọc Hùng
Ngày Thi 25/12/2019 Giờ Thi 14:45 Phòng Thi HD205

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	16118170	Võ	DH16CC	Tường					8,8	0012345678910	0123456789
34	16118171	Đoàn Đình	DH16CC	Văn					8,0	0012345678910	0123456789
35	16118178	Phan Hoàng	DH16CC	Vũ					8,4	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi 35 Số sinh viên vắng 0...

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

TS. Bùi Ngọc Hùng

TS. Bùi Ngọc Hùng

TS. Bùi Ngọc Hùng



Mã nhận dạng 02152

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi Anh văn kỹ thuật(207300)

Số Tin Ch 2

Nhóm Thi DH17CD_02

Tổ Thi

001_DH17CD_02

Tên CBGD

Nguyễn Trần Phú

Ngày Thi 23/12/2019

Giờ Thi

07:30

Phòng Thi

TV101

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10 %	Đ2 30 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	17154002	Lê Bảo Anh	DH17OT			10	6	8.0	7.6	0012345678910	0123456789
2	17154004	Nguyễn Ngọc Đoàn Anh	DH17OT			10	6	8.5	7.9	0012345678910	0123456789
3	18454001	Vi Đức Anh	LT18OT			5	6	5.0	5.3	0012345678910	0123456789
4	16153002	Vũ Phan Anh	DH16CD			5	7	6.0	6.2	0012345678910	0123456789
5	17154005	Nguyễn Hoài Bảo	DH17OT			10	6	4.0	5.2	0012345678910	0123456789
6	17154007	Nguyễn Tấn Chí	DH17OT			10	6	8.5	7.9	0012345678910	0123456789
7	17153010	Vương Quốc Viết Chí	DH17CD			8	5	3.0	4.1	0012345678910	0123456789
8	17153011	Nguyễn Minh Chiến	DH17CD			10	7	8.5	8.2	0012345678910	0123456789
9	18118012	Tạ Đức Cao	Chuong			10	6	8.0	7.6	0012345678910	0123456789
10	16118035	Phạm Anh Dũng	DH16CK			5	7	6.5	6.5	0012345678910	0123456789
11	17153021	Đặng Thế Duy	DH17CD			10	6	4.5	5.5	0012345678910	0123456789
12	17118028	Nguyễn Trần Minh Duy	DH17CK							0012345678910	0123456789
13	17153019	Nguyễn Hoàng Dương	DH17CD			10	6	9.0	8.2	0012345678910	0123456789
14	17138007	Trần Quang Đại	DH17TD			8	7	8.0	7.7	0012345678910	0123456789
15	17153012	Dương Tấn Đạt	DH17CD			10	5	4.0	4.9	0012345678910	0123456789
16	18454002	Đặng Văn Đạt	LT18OT			10	6	8.0	7.6	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02152

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi Anh văn kỹ thuật(207300)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH17CD_02

Tổ Thi 001_DH17CD_02

Tên CBGD Nguyễn Trần Phú

Ngày Thi 23/12/2019

Giờ Thi 07:30

Phòng Thi TV101

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10 %	Đ2 30 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	17154015	Hồ Thanh	Điện	Dau		10	7	8.0	7.9	0012345678910	0123456789
18	15118019	Nguyễn Tấn	Đồng							0012345678910	0123456789
19	17153014	Bùi Phú	Đức	Duc		10	6	8.0	7.6	0012345678910	0123456789
20	17154019	Nguyễn Hữu	Đức	Hu		8	7	4.5	5.6	0012345678910	0123456789
21	17154021	Trần Minh	Đức	Minh		5	7	4.5	5.3	0012345678910	0123456789
22	15137012	Vũ Đức	Gia							0012345678910	0123456789
23	17153200	Phạm Văn	Hạnh	Pham		10	6	7.0	7.0	0012345678910	0123456789
24	17154033	Ngô Minh	Hoàng	Hoang		10	6	9.0	8.2	0012345678910	0123456789
25	17137027	Từ Minh	Hoàng	Hoang		10	6	4.5	5.5	0012345678910	0123456789
26	16153034	Nguyễn Mạnh	Hùng							0012345678910	0123456789
27	17118045	Nguyễn Phát	Huy	Phat		8	7	6.5	6.8	0012345678910	0123456789
28	17118042	Trần Quang	Hưng	Quang		10	6	3.5	4.9	0012345678910	0123456789
29	17153034	Lê Văn	Khanh	Phan		8	5	4.0	4.7	0012345678910	0123456789
30	17153037	Ngô Tín	Khoa	Phan		10	7	8.0	7.9	0012345678910	0123456789
31	17154044	Trần Anh	Khoa	Anh		10	6	8.5	7.9	0012345678910	0123456789
32	17154046	Trần Duy	Khoa	Duy		10	6	3.0	4.6	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02152

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi Anh văn kỹ thuật(207300)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH17CD_02

Tổ Thi 001_DH17CD_02

Tên CBGD Nguyễn Trần Phú

Ngày Thi 23/12/2019

Giờ Thi 07:30

Phòng Thi TV101

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 40%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	17153045	Nguyễn Thanh	Nam	Nguyễn Thanh		10	5	5.0	5.5	0012345678910	0123456789
34	17153046	Ngô Thiên	Nghĩa	Ngô Thiên		10	5	6.5	6.4	0012345678910	0123456789
35	17118067	Lý Thái	Nguyên	Lý Thái		8	7	3.0	4.7	0012345678910	0123456789
36	17154061	Phan Thị Hoài	Nhà	Phan Thị Hoài		10	6	8.0	7.6	0012345678910	0123456789
37	16118108	Ngô Quang Đình	Nhân	Ngô Quang Đình		10	6	5.0	5.8	0012345678910	0123456789
38	17154066	Đình Xuân	Nhật	Đình Xuân		10	7	2.0	4.3	0012345678910	0123456789
39	17154067	Nguyễn Văn	Nhật	Nguyễn Văn		10	6	2.5	4.3	0012345678910	0123456789
40	17118073	Nguyễn Minh	Nhật	Nguyễn Minh		8	7	7.5	7.4	0012345678910	0123456789
41	17138041	Trần Duy	Phuong	Trần Duy		10	7	5.5	6.4	0012345678910	0123456789
42	17454006	Huỳnh Lê	Sang	Huỳnh Lê		10	5	6.5	6.4	0012345678910	0123456789
43	17118089	Phạm Bùi Tấn	Sang	Phạm Bùi Tấn		5	7	2.5	4.1	0012345678910	0123456789
44	15138054	Trang Minh	Sáng	Trang Minh		10	6	7.5	7.3	0012345678910	0123456789
45	17154080	Nguyễn Văn	Son	Nguyễn Văn		10	6	2.5	4.3	0012345678910	0123456789
46	17153060	Đoàn Hữu	Tài	Đoàn Hữu		10	6	8.5	7.9	0012345678910	0123456789
47	17154085	Nguyễn Hữu	Tài	Nguyễn Hữu						0012345678910	0123456789
48	17153062	Phan Minh	Tâm	Phan Minh						0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02152

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi Anh văn kỹ thuật(207300)

Số Tin Ch 2

Nhóm Thi DH17CD_02

Tổ Thi

001_DH17CD_02

Tên CBGD

Nguyễn Trần Phú

Ngày Thi 23/12/2019

Giờ Thi

07:30

Phòng Thi

TV101

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
49	17153064	Kiều Văn Tấn	DH17CD			10	6	7.0	7.0	0012345678910	0123456789
50	17153066	Đào Minh Thành	DH17CD			8	5	2	3.5	0012345678910	0123456789
51	18454010	Đỗ Nhật Thành	LT18OT			10	5	2.5	4.0	0012345678910	0123456789
52	17138050	Lê Đức Thịnh	DH17TD			8	7	3.0	4.7	0012345678910	0123456789
53	17153067	Trương Đức Thịnh	DH17CD			10	6	9.0	8.2	0012345678910	0123456789
54	13153024	Lê Văn Thuận	DH13CD							0012345678910	0123456789
55	17118116	Hồ Đoàn Minh Tiên	DH17CC			10	7	4.5	5.8	0012345678910	0123456789
56	17154104	Nguyễn Võ Minh Tiến	DH17OT			10	6	8.5	7.9	0012345678910	0123456789
57	17154107	Nguyễn Văn Toàn	DH17OT			10	6	2.5	4.3	0012345678910	0123456789
58	17153074	Phan Nguyễn Trung Toàn	DH17CD			10	6	7.0	7.0	0012345678910	0123456789
59	17153072	Nguyễn Hoàng Toàn	DH17CD			10	5	8.5	7.6	0012345678910	0123456789
60	17118124	Trần Hữu Trọng	DH17CC			10	7	7.5	7.6	0012345678910	0123456789
61	18454011	Lê Sỹ Đình Trung	LT18OT			10	6	3.0	4.6	0012345678910	0123456789
62	13118326	Nguyễn Nhựt Trường	DH13CC							0012345678910	0123456789
63	16137091	Vũ Nhật Trường	DH16NL			5	5	4.5	4.7	0012345678910	0123456789
64	17138061	Bùi Anh Tuấn	DH17TD							0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02152

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi Anh văn kỹ thuật(207300)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH17CD_02

Tổ Thi 001_DH17CD_02

Tên CBGD

Nguyễn Trần Phú

Ngày Thi 23/12/2019

Giờ Thi 07:30

Phòng Thi

TV101

Trang 5

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
65	17154116	Nguyễn Anh Tuấn	DH17OT			10	7	7.0	7.3	0012345678910	0123456789
66	17154117	Phan Anh Tuấn	DH17OT			10	6	6.5	6.7	0012345678910	0123456789
67	17154118	Lê Văn Tùng	DH17OT			10	7	8.5	8.2	0012345678910	0123456789
68	17153080	Hoàng Thanh Vương	DH17CD			10	5	8.5	7.6	0012345678910	0123456789
69	17137079	Nguyễn An Hoàng	DH17NL			10	6	5.0	5.8	0012345678910	0123456789
70	17118145	Trần Văn Thanh Xuân	DH17CC			10	7	3.5	5.2	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi 61. Số sinh viên vắng9.

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

NT Phú

N.V. Kiệp

NT Phú

Ngày in : 03/12/2019

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

Môn học - Nhóm: Kỹ thuật vi điều khiển (207505) - 01

CBGD: Đào Duy Vinh (743)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20 %	Đ2 20 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	16153002	Vũ Phan Anh	DH16CD			8	7	7	7.2	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
2	17153003	Bùi Đình Bắc	DH17CD			8	8	7	7.4	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
3	17138004	Lê Mạnh Cường	DH17TD			7	8	8	7.8	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
4	16153008	Nguyễn Thanh Danh	DH16CD			8	7	7	7.2	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
5	16138025	Trần Phúc Dũng	DH16TD			7	8	7	7.2	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
6	17153022	Đào Phụng Duy	DH17CD			8	7	7	7.2	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
7	17153021	Đặng Thế Duy	DH17CD			7	8	8	7.8	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
8	14153010	Trần Vũ Anh Duy	DH14CD							●○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
9	15153014	Nguyễn Phương Duyệt	DH15CD			7	7	6	6.4	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
10	17138008	Nguyễn Hữu Đan	DH17TD			7	8	7	7.2	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
11	17153012	Dương Tấn Đạt	DH17CD			7	8	8	7.8	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
12	15138012	Nguyễn Hữu Đạt	DH15TD			7	6	6	6.2	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
13	15138013	Phạm Thành Đạt	DH15TD			6	7	7	6.8	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
14	17138014	Ngô Quốc Gia	DH17TD			7	8	7	7.2	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
15	15153015	Lê Cảnh Trường Giang	DH15CD							●○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
16	17153025	Trần Sơn Hải	DH17CD			7	8	7	7.2	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
17	17153026	Nguyễn Trường Hận	DH17CD			8	8	8	8.0	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
18	17153028	Nguyễn Thành Hiếu	DH17CD			7	8	7	7.2	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

Môn học - Nhóm: Kỹ thuật vi điều khiển (207505) - 01

CBGD: Đào Duy Vinh (743)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20 %	Đ2 20 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phản nguyên	Tô điểm lẻ
19	15138026	Ngô Văn Hoàn	DH15TD			6	7	6	6.2	0012345678910	0123456789
20	16138043	Trần Đức Huy	DH17TD			8	7	7	7.2	0012345678910	0123456789
21	15138029	Đào Hữu Huỳnh	DH15TD			7	7	7	7.0	0012345678910	0123456789
22	17138024	Phạm Ngọc Khải	DH17TD			7	8	7	7.2	0012345678910	0123456789
23	17153038	Nguyễn Tiến Khoa	DH17CD			7	8	7	7.2	0012345678910	0123456789
24	17153039	Bùi Tuấn Kiên	DH17CD			7	8	8	7.8	0012345678910	0123456789
25	17153040	Đặng Ngọc Lâm	DH17CD			7	8	8	7.8	0012345678910	0123456789
26	17153042	Nguyễn Quang Linh	DH17CD			7	8	8	7.8	0012345678910	0123456789
27	17138029	Nguyễn Văn Linh	DH17TD			7	8	8	7.8	0012345678910	0123456789
28	17138035	Dương Hoàng Nguyên	DH17TD			7	8	7	7.2	0012345678910	0123456789
29	16138062	Nguyễn Đình Trực	DH16TD			8	7	7	7.2	0012345678910	0123456789
30	17153051	Võ Thành Nhân	DH17CD			7	8	7	7.2	0012345678910	0123456789
31	17153054	Dương Trung Ninh	DH17CD			7	8	8	7.8	0012345678910	0123456789
32	17153055	Trương Hoàng Phong	DH17CD			7	8	8	7.8	0012345678910	0123456789
33	17153058	Nguyễn Hồng Phúc	DH17CD			8	7	7	7.2	0012345678910	0123456789
34	17153059	Nguyễn Thanh Sơn	DH17CD			7	8	8	7.8	0012345678910	0123456789
35	17153060	Đoàn Hữu Tài	DH17CD			8	8	10	9.2	0012345678910	0123456789
36	17153064	Kiều Văn Tấn	DH17CD			8	8	8	8.0	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 00648

Trang 3/3

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

Môn học - Nhóm: Kỹ thuật vi điều khiển (207505) - 01

CBGD: Đào Duy Vinh (743)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20 %	Đ2 20 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
37	17138048	Đỗ Lý Việt	Thắng	DH17TD		7	8	7	7.2	0012345678910	0123456789
38	17153068	Phan Anh	Thơ	DH17CD		7	8	8	7.8	0012345678910	0123456789
39	17138054	Nguyễn Ngọc Minh	Thuận	DH17TD		7	8	8	7.8	0012345678910	0123456789
40	17153073	Nguyễn Minh	Toàn	DH17CD		7	8	8	7.8	0012345678910	0123456789
41	17153074	Phan Nguyễn Trung	Toàn	DH17CD		7	8	8	7.8	0012345678910	0123456789
42	17153075	Lê Quốc	Trang	DH17CD		8	8	7	7.4	0012345678910	0123456789
43	17138059	Nguyễn Chí	Trung	DH17TD		7	8	8	7.8	0012345678910	0123456789
44	17153078	Lê Văn	Tuấn	DH17CD		8	8	8	8.0	0012345678910	0123456789
45	16153102	Nguyễn Minh	Tuấn	DH16CD		7	8	8	7.8	0012345678910	0123456789
46	17153079	Võ Quốc	Việt	DH17CD		7	8	8	7.8	0012345678910	0123456789
47	16153107	Lâm Văn	Vinh	DH16CD		7	8	8	7.8	0012345678910	0123456789
48	16153110	Nguyễn Đình Tuấn	Vũ	DH16CD		7	8	8	7.8	0012345678910	0123456789

Số lượng vắng: 2

Hiện diện: 46

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Đào Duy Vinh

Ngô Văn Ngọc Tuấn

Nguyễn Văn Công Chính

Đào Duy Vinh

Ngô Văn Ngọc Tuấn



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

Môn học - Nhóm: Kỹ thuật vi điều khiển (207505) - 02

CBGD: Đào Duy Vinh (743)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20 %	Đ2 20 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	17138002	Trần Thanh Bình	DH17TD			7	8	7	7.2	0012345678910	0123456789
2	17138005	Mai Hùng Cường	DH17TD			7	8	7	7.2	0012345678910	0123456789
3	17138006	Nguyễn Mạnh Cường	DH17TD			6	7	7	6.8	0012345678910	0123456789
4	17153019	Nguyễn Hoàng Dương	DH17CD			6	8	6	6.4	0012345678910	0123456789
5	17138012	Phạm Hải Dương	DH17TD			6	7	7	6.8	0012345678910	0123456789
6	17138007	Trần Quang Đại	DH17TD			7	8	8	7.8	0012345678910	0123456789
7	17153200	Phạm Văn Hạnh	DH17CD			6	8	6	6.4	0012345678910	0123456789
8	17138015	Lưu Thanh Hiền	DH17TD			8	8	8	8.0	0012345678910	0123456789
9	17138016	Hồ Hiền	DH17TD			6	7	8	7.4	0012345678910	0123456789
10	17138020	Trịnh Minh Hiếu	DH17TD			7	8	7	7.2	0012345678910	0123456789
11	14138012	Nguyễn Duy Hoàng	DH14TD			5	7	6	6.0	0012345678910	0123456789
12	17138022	Trần Minh Huân	DH17TD			7	8	7	7.2	0012345678910	0123456789
13	17138023	Bùi Quang Khải	DH17TD			7	6	7	6.8	0012345678910	0123456789
14	17138025	Nguyễn Văn Khánh	DH17TD			7	8	8	7.8	0012345678910	0123456789
15	17138027	Nguyễn Tấn Khôi	DH17TD			6	7	6	6.2	0012345678910	0123456789
16	17138028	Nguyễn Vũ Minh Khôi	DH17TD			7	8	7	7.2	0012345678910	0123456789
17	15138038	Nguyễn Hoàng Long	DH15TD			6	7	6	6.2	0012345678910	0123456789
18	17138030	Phan Nguyễn Hoàng Long	DH17TD			7	7	7	7.0	0012345678910	0123456789



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

Môn học - Nhóm: Kỹ thuật vi điều khiển (207505) - 02

CBGD: Đào Duy Vinh (743)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20 %	Đ2 20 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
19	17138037	Bùi Trung Pháp	DH17TD			7	8	7	7.2	0012345678910	0123456789
20	17138038	Trần Huy Phát	DH17TD			7	8	7	7.2	0012345678910	0123456789
21	17138043	Nguyễn Trọng Quang	DH17TD			6	7	7	6.8	0012345678910	0123456789
22	17138042	Nguyễn Trung Quân	DH17TD			7	6	7	6.8	0012345678910	0123456789
23	17138046	Trần Trung Tâm	DH17TD			6	7	7	6.8	0012345678910	0123456789
24	17138051	Lưu Thị Ánh Thu	DH17TD			7	8	7	7.2	0012345678910	0123456789
25	17138052	Phạm Hoài Thu	DH17TD			7	8	7	7.2	0012345678910	0123456789
26	17138053	Lê Hữu Thuận	DH17TD			7	6	7	6.8	0012345678910	0123456789
27	17138055	Huỳnh Quang Tiến	DH17TD			8	8	8	8.0	0012345678910	0123456789
28	17138057	Đào Bá Khánh Trình	DH17TD			7	7	7	7.0	0012345678910	0123456789
29	15153070	Lê Bá Trọng	DH15CD			6	7	8	7.4	0012345678910	0123456789
30	17138060	Trương Tuấn Tú	DH17TD			7	8	7	7.2	0012345678910	0123456789

Số lượng vắng: 0

Hiện diện:

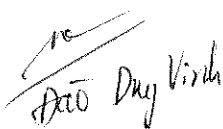
Cán bộ coi thi 1

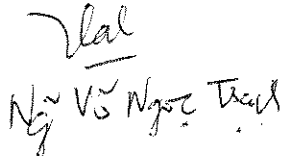
Cán bộ coi thi 2

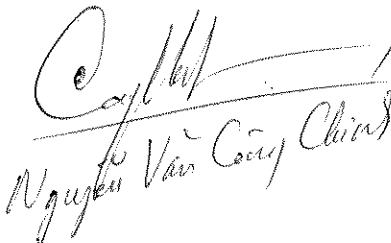
Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

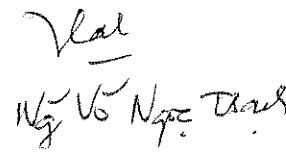
Cán bộ chấm thi 2


Đào Duy Vinh


Nguyễn Vũ Ngọc Thạch


Nguyễn Văn Công Chính


Đào Duy Vinh


Nguyễn Vũ Ngọc Thạch



Mã nhận dạng 02186

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi **Kỹ thuật CAD,CAM,CNC(207603)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH16CD_01**

Tổ Thi

001_DH16CD_01

Tên CBGD

Đào Duy Vinh

Ngày Thi **04/01/2020**

Giờ Thi

09:45

Phòng Thi

TV303

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	16153002	Vũ Phan Anh	DH16CD	<i>Anh</i>		8	8	7	7.4	0012345678910	0123456789
2	16153001	Phạm Hoàn Ân	DH16CD	<i>Ân</i>		7	7	8	7.6	0012345678910	0123456789
3	16153004	Dư Tiến Công	DH16CD	<i>Con</i>		8	8	7	7.4	0012345678910	0123456789
4	16153005	Võ Thái Công	DH16CD	<i>Con</i>		7	6	6	6.2	0012345678910	0123456789
5	15153007	Lê Công Danh	DH15CD	<i>Danh</i>		8	8	7	7.4	0012345678910	0123456789
6	17118018	Lê Công Danh	DH17CK	<i>Danh</i>		8	8	6	6.8	0012345678910	0123456789
7	16153008	Nguyễn Thanh Danh	DH16CD	<i>Danh</i>		7	8	8	7.8	0012345678910	0123456789
8	16153016	Đặng Quốc Duy	DH16CD	<i>Duy</i>		8	5	9	8.0	0012345678910	0123456789
9	16153017	Đoàn Văn Duy	DH16CD	<i>Duy</i>		7	8	8	7.8	0012345678910	0123456789
10	16153014	Lê Văn Dư	DH16CD	<i>Dư</i>		8	7	8	7.8	0012345678910	0123456789
11	15138012	Nguyễn Hữu Đạt	DH15TD	<i>Dat</i>		7	7	6	6.4	0012345678910	0123456789
12	15153012	Huỳnh Đức	DH15CD	<i>Đức</i>		8	8	7	7.4	0012345678910	0123456789
13	15138015	Lê Phan Nguyễn Thọ Đức	DH15TD	<i>Đức</i>		7	6	7	6.8	0012345678910	0123456789
14	17138014	Ngô Quốc Gia	DH17TD	<i>Gia</i>		8	7	7	7.2	0012345678910	0123456789
15	15153015	Lê Cảnh Trường Giang	DH15CD	<i>Giang</i>		7	7	7	7.0	0012345678910	0123456789
16	14118022	Nguyễn Mạnh Hải	DH14CK							0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02186

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi **Kỹ thuật CAD,CAM,CNC(207603)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH16CD_01**

Tổ Thi

001_DH16CD_01

Tên CBGD

Đào Duy Vinh

Ngày Thi **04/01/2020**

Giờ Thi

09:45

Phòng Thi

TV303

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	16153021	Nguyễn Nhật Hải	DH16CD			8	7	7	7.2	0012345678910	0123456789
18	16153025	Lê Hoà Hiệp	DH16CD			7	5	8	7.2	0012345678910	0123456789
19	16153026	Cao Đình Hiếu	DH16CD			8	8	8	8.0	0012345678910	0123456789
20	16153034	Nguyễn Mạnh Hùng	DH16CD							0012345678910	0123456789
21	15153027	Nguyễn Đức Huy	DH15CD			8	6	7	7.0	0012345678910	0123456789
22	16153039	Đặng Huynh	DH16CD			8	7	8	7.8	0012345678910	0123456789
23	16153041	Phạm Quốc Khải	DH16CD			8	8	8	8.0	0012345678910	0123456789
24	17138024	Phạm Ngọc Khải	DH17TD			8	5	5	5.6	0012345678910	0123456789
25	14118190	Huỳnh Công Lân	DH14CK			7	7	7	7.0	0012345678910	0123456789
26	17138029	Nguyễn Văn Linh	DH17TD			8	6	8	7.6	0012345678910	0123456789
27	16153048	Huỳnh Phúc Linh	DH16CD			8	7	6	6.6	0012345678910	0123456789
28	16153052	Nguyễn Thanh Luận	DH16CD			8	6	6	6.4	0012345678910	0123456789
29	16153056	Đặng Toàn Mỹ	DH16CD			8	6	6	6.4	0012345678910	0123456789
30	16153067	Hoàng Lê Minh Quân	DH16CD			8	7	6	6.6	0012345678910	0123456789
31	16153068	Lê Quốc Quí	DH16CD			8	8	9	8.6	0012345678910	0123456789
32	17118088	Lê Minh Sang	DH17CK			8	8	9	8.6	0012345678910	0123456789

Mã nhận dạng 02186

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi Kỹ thuật CAD,CAM,CNC(207603)

Số Tin Ch 3

Nhóm Thi DH16CD_01

Tổ Thi 001_DH16CD_01

Tên CBGD Đào Duy Vinh

Ngày Thi 04/01/2020

Giờ Thi 09:45

Phòng Thi TV303

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	16153072	Đỗ Tam	Tài	DH16CD		8	5	7	6.8	0012345678910	0123456789
34	16153076	Nguyễn Quốc	Tâm	DH16CD		8	6	6	6.4	0012345678910	0123456789
35	16153080	Phạm Đình	Thái	DH16CD		7	6	7	6.8	0012345678910	0123456789
36	16153082	Tô	Thanh	DH16CD		8	8	7	7.4	0012345678910	0123456789
37	16153083	Võ Trí	Thanh	DH16CD		8	7	7	7.2	0012345678910	0123456789
38	16153085	Huỳnh Công	Thành	DH16CD		8	8	6	6.8	0012345678910	0123456789
39	16153081	Lê Văn	Thắng	DH16CD		8	6	6	6.4	0012345678910	0123456789
40	17138051	Lưu Thị Ánh	Thu	DH17TD		8	6	6	6.4	0012345678910	0123456789
41	13153024	Lê Văn	Thuận	DH13CD						0012345678910	0123456789
42	17138054	Nguyễn Ngọc Minh	Thuận	DH17TD		8	7	7	7.2	0012345678910	0123456789
43	16153091	Phạm Thị Cát	Tiên	DH16CD		8	8	8	8.0	0012345678910	0123456789
44	16153093	Nguyễn Lê	Tinh	DH16CD		8	7	7	7.2	0012345678910	0123456789
45	16153096	Huỳnh Văn	Trọng	DH16CD		8	8	8	8.0	0012345678910	0123456789
46	16153100	Lê Anh	Tuấn	DH16CD		7	7	6	6.4	0012345678910	0123456789
47	16153102	Nguyễn Minh	Tuấn	DH16CD		8	8	5	6.2	0012345678910	0123456789
48	16153104	Trần Xuân	Viễn	DH16CD		8	6	5	5.8	0012345678910	0123456789

Mã nhận dạng 02186

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi **Kỹ thuật CAD,CAM,CNC(207603)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH16CD_01**

Tổ Thi **001_DH16CD_01**

Tên CBGD **Đào Duy Vinh**

Ngày Thi **04/01/2020**

Giờ Thi **09:45**

Phòng Thi **TV303**

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
49	16153107	Lâm Văn Vinh	DH16CD			8	8	5	6.2	0012345678910	0123456789
50	16153108	Huỳnh Tấn Vũ	DH16CD			8	8	7	7.4	0012345678910	0123456789
51	16153109	Lê Văn Vũ	DH16CD			7	8	6	6.6	0012345678910	0123456789
52	16153110	Nguyễn Đình Tuấn	DH16CD			8	8	8	8.0	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi 4.0 Số sinh viên vắng 0.0

Ngày 12 Tháng 01 Năm 2020

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Nguyễn Hữu Hòa

Bùi Công Hành

Nguyễn Văn Công Chính

Đào Duy Vinh

Nguyễn Vũ Ngọc Thảo



Mã nhận dạng 02187

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi **Kỹ thuật CAD,CAM,CNC(207603)**

Số Tin Ch 3

Nhóm Thi **DH16TD_02**

Tổ Thi

001_DH16TD_02

Tên CBGD

Đào Duy Vinh

Ngày Thi **04/01/2020**

Giờ Thi

09:45

Phòng Thi

TV103

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 20%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	16138001	Cáp Ngọc An	DH16TD			7	5	6	6.0	0012345678910	0123456789
2	17118003	Dương Quốc Anh	DH17CK			8	5	5	5.6	0012345678910	0123456789
3	16138003	Nguyễn Tiểu Bang	DH16TD			6	5	6	5.8	0012345678910	0123456789
4	16138007	Huỳnh Thái Bảo	DH16TD			8	8	7	7.4	0012345678910	0123456789
5	16118014	Lê Văn Bảo	DH16CK			7	6	8	7.4	0012345678910	0123456789
6	16118016	Tăng Duy Bảo	DH16CK			7	6	6	6.2	0012345678910	0123456789
7	16138004	Lê Kim Bằng	DH16TD			6	5	6	5.8	0012345678910	0123456789
8	16138008	Nguyễn Hoàng Bửu	DH16TD			8	2	2	3.2	0012345678910	0123456789
9	17138004	Lê Mạnh Cường	DH17TD			7	8	5	6.0	0012345678910	0123456789
10	17138005	Mai Hùng Cường	DH17TD			7	5	6	6.0	0012345678910	0123456789
11	16118025	Nguyễn Châu Chí	DH16CK			7	5	6	6.0	0012345678910	0123456789
12	16138010	Nguyễn Minh Cường	DH16TD			8	5	6	6.2	0012345678910	0123456789
13	16138011	Nguyễn Quang Cường	DH16TD			7	5	5	5.4	0012345678910	0123456789
14	15118009	Nguyễn Quốc Cường	DH15CK							0012345678910	0123456789
15	16118026	Tổng Mạnh Cường	DH16CK			7	5	8	7.2	0012345678910	0123456789
16	16138013	Nguyễn Tấn Danh	DH16TD			8	5	6	6.2	0012345678910	0123456789

Mã nhận dạng 02187

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi **Kỹ thuật CAD,CAM,CNC(207603)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH16TD_02**

Tổ Thi

001_DH16TD_02

Tên CBGD

Đào Duy Vinh

Ngày Thi **04/01/2020**

Giờ Thi

09:45

Phòng Thi

TV103

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	16138023	Nguyễn Minh	Dũng	DH16TD		8	8	7	7.4	0012345678910	0123456789
18	16138024	Nguyễn Thanh	Dũng	DH16TD		8	8	7	7.4	0012345678910	0123456789
19	16138025	Trần Phúc	Dũng	DH16TD		8	6	6	6.4	0012345678910	0123456789
20	17138012	Phạm Hải	Dương	DH17TD		7	8	8	7.8	0012345678910	0123456789
21	17138008	Nguyễn Hữu	Đan	DH17TD		7	6	5	5.6	0012345678910	0123456789
22	16138016	Nguyễn Gia	Đạt	DH16TD		7	6	8	7.4	0012345678910	0123456789
23	16118029	Văn Phú	Đạt	DH16CK		7	8	6	6.6	0012345678910	0123456789
24	16138017	Vi Văn	Đạt	DH16TD		7	5	6	6.0	0012345678910	0123456789
25	16138021	Nguyễn Chí	Đức	DH16TD		7	5	8	7.2	0012345678910	0123456789
26	16138026	Lại Hoàng	Giang	DH16TD		7	6	7	6.8	0012345678910	0123456789
27	16138027	Lê Hoàng	Giang	DH16TD		6	7	8	7.4	0012345678910	0123456789
28	16138029	Lê Nhựt	Hào	DH16TD		7	5	7	6.6	0012345678910	0123456789
29	16138030	Nguyễn Văn	Hào	DH16TD		8	8	7	7.4	0012345678910	0123456789
30	16138031	Nguyễn Thị Tú	Hào	DH16TD		7	8	8	7.8	0012345678910	0123456789
31	17118032	Trần Hoàng	Hân	DH17CK		7	8	9	8.4	0012345678910	0123456789
32	16118053	Trần Thanh	Hậu	DH16CK		7	4	7	6.4	0012345678910	0123456789

Mã nhận dạng 02187

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi **Kỹ thuật CAD,CAM,CNC(207603)**

Số Tin Ch 3

Nhóm Thi **DH16TD_02**

Tổ Thi

001_DH16TD_02

Tên CBGD

Đào Duy Vinh

Ngày Thi **04/01/2020**

Giờ Thi

09:45

Phòng Thi

TV103

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20 %	Đ2 20 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	16138033	Ngô Đăng Hiệp	DH16TD	Hiệp		7	8	8	7.8	0012345678910	0123456789
34	16153027	Hán Tấn	DH16CD	Hán		7	5	7	6.6	0012345678910	0123456789
35	16138035	Lý Minh	DH16TD	Hoàng		7	7	6	6.4	0012345678910	0123456789
36	16138039	Phạm Văn Hùng	DH16TD	Hùng		7	5	6	6.0	0012345678910	0123456789
37	14118170	Bùi Quang Huy	DH14CK	Huy		5	5	7	6.2	0012345678910	0123456789
38	16138043	Trần Đức	DH17TD	Đức		8	8	5	6.2	0012345678910	0123456789
39	16138048	K'Pă	DH16TD	Krim		7	5	6	6.0	0012345678910	0123456789
40	16138051	Dương Thị Mỹ	DH16TD	Linh		8	8	8	8.0	0012345678910	0123456789
41	16138056	Nguyễn	DH16TD	Mai		8	8	7	7.4	0012345678910	0123456789
42	16138058	Phạm Đăng Hoài	DH16TD	Hoài		8	8	8	8.0	0012345678910	0123456789
43	16138059	Võ Hoàng	DH16TD	Nam		8	8	8	8.0	0012345678910	0123456789
44	16138060	Phạm Hoài	DH16TD	Nghe		8	5	8	7.4	0012345678910	0123456789
45	16153060	Lê Nguyên	DH16CD	Ngọc		7	8	8	7.8	0012345678910	0123456789
46	16138062	Nguyễn Đình Trục	DH16TD	Nhân		8	7	7	7.2	0012345678910	0123456789
47	17138036	Huỳnh Kim	DH17TD	Ninh		7	8	6	6.6	0012345678910	0123456789
48	17138039	Lê Quang	DH17TD	PHiểu		6	8	5	5.8	0012345678910	0123456789

Mã nhận dạng 02187

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi **Kỹ thuật CAD,CAM,CNC(207603)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH16TD_02**

Tổ Thi

001_DH16TD_02

Tên CBGD

Đào Duy Vinh

Ngày Thi **04/01/2020**

Giờ Thi

09:45

Phòng Thi

TV103

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
49	16118115	Ngô Thanh	Phong	DH16CK		7	5	8	7.2	0012345678910	0123456789
50	16153063	Nguyễn Hoài	Phong	DH16CD		7	5	8	7.2	0012345678910	0123456789
51	16138067	Trần Văn	Phuong	DH16TD		8	5	7	6.8	0012345678910	0123456789
52	16138069	Nguyễn Minh	Quang	DH16TD		7	8	8	7.8	0012345678910	0123456789
53	15138051	Trần Minh	Quang	DH15TD						0012345678910	0123456789
54	16118130	Bùi Thanh	Sang	DH16CK		7	5	5	5.4	0012345678910	0123456789
55	16138071	Trần Phước	Sang	DH16TD		7	5	8	7.2	0012345678910	0123456789
56	16138073	Nguyễn Ngọc	Tâm	DH16TD		7	5	7	6.6	0012345678910	0123456789
57	17138046	Trần Trung	Tâm	DH17TD		7	5	5	5.4	0012345678910	0123456789
58	16138076	Trần Đình	Thanh	DH16TD		7	5	8	7.2	0012345678910	0123456789
59	16138077	Đỗ Hữu	Thành	DH16TD		7	5	7	6.6	0012345678910	0123456789
60	17138049	Vô Văn	Thành	DH17TD		7	5	6	6.0	0012345678910	0123456789
61	17138048	Đỗ Lý Việt	Thắng	DH17TD		7	5	7	6.6	0012345678910	0123456789
62	16138075	Nguyễn Sơn	Thắng	DH16TD		8	8	7	7.4	0012345678910	0123456789
63	16138079	Lê	Thế	DH16TD		7	5	7	6.6	0012345678910	0123456789
64	16138081	Đặng Anh	Thông	DH16TD		7	5	6	6.0	0012345678910	0123456789

Mã nhận dạng 02187

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi **Kỹ thuật CAD,CAM,CNC(207603)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH16TD_02**

Tổ Thi **001_DH16TD_02**

Tên CBGD **Đào Duy Vinh**

Ngày Thi **04/01/2020**

Giờ Thi **09:45**

Phòng Thi **TV103**

Trang 5

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20 %	Đ2 20 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
65	17138055	Huỳnh Quang	Tiến	DH17TD		7	8	8	7.8	0012345678910	0123456789
66	16118154	Lê Xuân	Tiến	DH16CK		7	5	8	7.2	0012345678910	0123456789
67	16138083	Trần Nguyễn Quốc	Tiến	DH16TD		8	7	6	6.6	0012345678910	0123456789
68	16153094	Nguyễn Vũ	Tĩnh	DH16CD		7	5	5	5.4	0012345678910	0123456789
69	16118162	Ngô Khắc	Triệu	DH16TD		8	8	9	8.6	0012345678910	0123456789
70	15153070	Lê Bá	Trọng	DH15CD		7	5	6	6.0	0012345678910	0123456789
71	16118165	Đinh Văn	Tú	DH16CK		6	5	7	6.4	0012345678910	0123456789
72	16138093	Trần Quốc	Việt	DH16TD		7	8	6	6.6	0012345678910	0123456789
73	14118315	Trần Bá	Vương	DH14CK		8	5	9	8.0	0012345678910	0123456789
74	16118180	Võ Quang	Vy	DH16CK		8	8	5	6.2	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi 12 Số sinh viên vắng 02

Ngày 09 Tháng 01 Năm 2020

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Nguyễn Văn Ngọc
Ngày in : 03/12/2019

Đào Duy Vinh

Nguyễn Văn Công Chính

Đào Duy Vinh

Nguyễn Văn Ngọc



Mã nhận dạng 00659

Trang 1/3

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

Môn học - Nhóm: Kiến tập cơ sở (207639) - 03

CBGD: Đào Duy Vinh (743)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	18153001	Bùi Vũ Khánh An	DH18CD							0012345678910	0123456789
2	18153002	Trương Quốc Anh	DH18CD	<i>Anh</i>				8.0		0012345678910	0123456789
3	18153003	Đình Quốc Bảo	DH18CD	<i>Bao</i>				7.5		0012345678910	0123456789
4	18153004	Nguyễn Ngọc Bảo	DH18CD	<i>Bao</i>				7.5		0012345678910	0123456789
5	18153005	Phan Chí Bảo	DH18CD	<i>Bao</i>				8.0		0012345678910	0123456789
6	18153006	Trần Hữu Chí	DH18CD	<i>Chi</i>				8.0		0012345678910	0123456789
7	18153007	Trần Minh Chiến	DH18CD	<i>Chi</i>				7.5		0012345678910	0123456789
8	18153009	Ngô Mạnh Cường	DH18CD	<i>Cuong</i>				7.5		0012345678910	0123456789
9	18153011	Võ Thành Danh	DH18CD	<i>Danh</i>				8.0		0012345678910	0123456789
10	18153013	Nguyễn Văn Dư	DH18CD	<i>Du</i>				7.5		0012345678910	0123456789
11	18153015	Đỗ Trung Dương	DH18CD	<i>Duong</i>				8.0		0012345678910	0123456789
12	18153016	Nguyễn Thái Dương	DH18CD	<i>Duong</i>				8.0		0012345678910	0123456789
13	18153012	Trần Tấn Đạt	DH18CD	<i>Dat</i>				8.0		0012345678910	0123456789
14	18153010	Đặng Hải Đăng	DH18CD	<i>Quat</i>				8.0		0012345678910	0123456789
15	18153014	Bùi Hữu Đức	DH18CD	<i>Duc</i>				7.5		0012345678910	0123456789
16	18153018	Lê Thanh Hải	DH18CD	<i>Hai</i>				7.5		0012345678910	0123456789
17	18153024	Nguyễn Phúc Hòa	DH18CD	<i>Hoa</i>				8.0		0012345678910	0123456789
18	18153029	Trương Vĩnh Huy	DH18CD	<i>Huy</i>				7.5		0012345678910	0123456789

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

Môn học - Nhóm: Kiến tập cơ sở (207639) - 03

CBGD: Đào Duy Vinh (743)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
19	18153027	Trần Ngọc Hưng	DH18CD						8.0	0012345678910	0123456789
20	18153036	Trần Việt Khoa	DH18CD						8.0	0012345678910	0123456789
21	18153037	Nguyễn Minh Khôi	DH18CD						8.0	0012345678910	0123456789
22	18153038	Lê Trọng Lâm	DH18CD						8.0	0012345678910	0123456789
23	18153039	Trần Cao Linh	DH18CD						8.0	0012345678910	0123456789
24	18153043	Nguyễn Thành Long	DH18CD						7.5	0012345678910	0123456789
25	18153047	Huỳnh Minh Mẫn	DH18CD						8.0	0012345678910	0123456789
26	18153048	Nguyễn Đại Nghĩa	DH18CD						7.5	0012345678910	0123456789
27	18153050	Nguyễn Minh Nhựt	DH18CD						8.0	0012345678910	0123456789
28	18153051	Trần Minh Nhựt	DH18CD						7.5	0012345678910	0123456789
29	18153054	Nguyễn Tấn Phúc	DH18CD						7.5	0012345678910	0123456789
30	18153057	Trần Minh Quang	DH18CD						8.0	0012345678910	0123456789
31	18153058	Trần Minh Quang	DH18CD							0012345678910	0123456789
32	18153059	Vũ Thế Quang	DH18CD							0012345678910	0123456789
33	18153060	Phạm Thanh Quê	DH18CD						8.0	0012345678910	0123456789
34	18153061	Mai Diệp Quốc	DH18CD						7.5	0012345678910	0123456789
35	18153063	Tôn Thế Trung Sơn	DH18CD							0012345678910	0123456789
36	18153067	Trần Hải Thành	DH18CD						8.0	0012345678910	0123456789



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

Môn học - Nhóm: Kiến tập cơ sở (207639) - 03

CBGD: Đào Duy Vinh (743)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
37	18153066	Nguyễn Minh Đức	Thắng	DH18CD					7.5	0012345678910	0123456789
38	18153069	Bùi Xuân	Thiện	DH18CD					8.0	0012345678910	0123456789
39	18153073	Nguyễn Tất	Thuận	DH18CD					8.0	0012345678910	0123456789
40	18153086	Nguyễn Việt	Ý	DH18CD					8.0	0012345678910	0123456789

Số lượng vắng: 04

Hiện diện: 36

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Đào Duy Vinh

Nguyễn Văn Ngọc Thanh

Nguyễn Văn Công Chính

Đào Duy Vinh

Nguyễn Văn Ngọc Thanh